

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên

: Lưu Quỳnh Thư

Giảng viên hướng dẫn: ThS.Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT
LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH
MAY THIÊN NAM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Lưu Quỳnh Thư**

Giảng viên hướng dẫn : **ThS.Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Lưu Quỳnh Thư

Mã SV: 1013401056

Lớp: QTL401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại
công ty TNHH may Thiên Nam

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
 - Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH may Thiên Nam trong 3 năm gần đây
 - Số liệu về thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn may Thiên Nam

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Hòa Thị Thanh Hương**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng**

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp	2
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	2
1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	2
1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.....	2
1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	2
1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất	3
1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất.....	5
1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	6
1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu	6
1.1.5.2. Phân loại công cụ dụng cụ	7
1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7
1.1.6.1. Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	7
1.1.6.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho	8
1.1.6.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	9
1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	12
1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng	12
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	12
1.2.2.1. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song:.....	12
1.2.2.2. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển :	14
1.2.2.3. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp ghi sổ số dư :	16
1.2.3. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC.....	17
1.2.3.1. Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kì :....	22
1.3. Tổ chức sổ kế toán	23
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	25
1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung	25
1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái	26
1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.....	26
1.3.2.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	28
1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	29
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	30

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ	30
1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ	31
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	32
1.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính	32
1.3.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính	32
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM	34
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH may Thiên Nam	34
2.1.1. Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH may Thiên Nam ...	34
2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của công ty TNHH may Thiên Nam ..	35
2.1.2.1. Thuận lợi và khó khăn.....	35
2.1.2.2. Thành tích đạt được trong những năm qua	36
2.1.3. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH may Thiên Nam.	36
2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH may Thiên Nam.....	37
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam	39
2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	39
2.1.5.2. Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	42
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	44
2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam	44
2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	44
2.2.1.2. Phân loại công cụ dụng cụ	44
2.2.2. Công tác quản lý nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ	45
2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	45
2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho	45
2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho	46
2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	47
2.2.4.1. Thủ tục nhập kho.....	47
2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	55
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	60
2.2.6. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	68
2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng :	68
2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng :	68
2.2.6.3. Quy trình hạch toán	68
2.2.7. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam.....	73
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM.....	75
3.1. Định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới.....	75

3.2. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	75
3.2.1. Ưu điểm.....	76
3.2.2. Hạn chế.....	78
3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam.....	78
3.3.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	78
3.3.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	79
3.3.3. Nội dung hoàn thiện	79
KẾT LUẬN	92

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế đang trên đà phát triển mạnh mẽ cùng với sự cạnh tranh gắt gao trên thị trường trong nước và quốc tế, các doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường cần phải biết sử dụng các công cụ quản lý sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất.

Xuất phát từ nhu cầu đó, kế toán trở thành công cụ đắc lực trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với các doanh nghiệp sản xuất thì nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm tỉ trọng lớn trong toàn chi phí của doanh nghiệp. Do đó, việc sử dụng hợp lý chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trên cơ sở định mức và dự toán chi phí là biện pháp hữu hiệu nhất để hạ thấp giá thành, tăng thu nhập cho doanh nghiệp.

Với kiến thức được trang bị trong thời gian học tập tại trường cùng với sự nhận thức được tầm quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH may Thiên Nam, em đã nghiên cứu và lựa chọn đề tài "**Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam**" làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung chính của bài khóa luận được trình bày gồm ba phần:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam

Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam

Do thời gian có hạn và còn hạn chế về mặt lý luận cũng như kinh nghiệm thực tế, nên bài khóa luận tốt nghiệp của em không tránh khỏi thiếu sót về mặt nội dung và hình thức. Em mong nhận được sự góp ý của thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Lưu Quỳnh Thu

CHƯƠNG 1**NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN
VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp****1.1.1. Khái niệm, đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ****1.1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ**

Nguyên vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản xuất sản phẩm.

Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh giá trị nguyên vật liệu tiêu hao trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo nên giá trị của sản phẩm dịch vụ tùy thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp. Đối với các doanh nghiệp sản xuất thì giá trị nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn và chủ yếu trong giá trị sản phẩm.

Công cụ dụng cụ là một bộ phận của hàng tồn kho, là những tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định với Tài sản cố định.

1.1.1.2. Đặc điểm của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Về mặt hiện vật : Trong quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh và khi tham gia vào quá trình sản xuất nguyên vật liệu được tiêu dùng toàn bộ, thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng. Công cụ dụng cụ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất chế tạo sản phẩm, cung cấp dịch vụ và không thay đổi hình dạng ban đầu sau quá trình sử dụng

Về mặt giá trị : Giá trị của nguyên vật liệu chuyển dịch toàn bộ một lần vào giá trị sản phẩm mới được tạo ra. Còn giá trị của công cụ dụng cụ hao mòn dần được dịch chuyển từng phần vào giá trị của sản phẩm mới tại ra.

1.1.2. Vị trí, vai trò của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Trong các doanh nghiệp sản xuất nói chung thì vật liệu, công cụ dụng cụ là tài sản dự trữ và phục vụ cho sản xuất thuộc tài sản lưu động được thể hiện dưới dạng vật hoá, là một trong ba yếu tố của quá trình sản xuất là cơ sở vật chất cấu thành thực thể sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Chi phí về vật liệu, công cụ dụng cụ chiếm một tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất sản phẩm, đồng thời là một bộ phận dự trữ sản xuất quan trọng nhất của doanh nghiệp. Khác với tài sản cố định ở chỗ vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định,

giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá thành sản phẩm được tạo ra trong quá trình tham gia sản xuất dưới tác động của lao động, vật liệu bị tiêu hao toàn bộ hoặc bị biến đổi từ hình thái vật chất ban đầu để cấu thành thực thể vật chất sản phẩm.

Vì vật liệu có vai trò, vị trí quan trọng như vậy trong sản xuất kinh doanh nên doanh nghiệp phải có biện pháp tổ chức tốt công tác quản lý và hạch toán các quá trình thu mua, vận chuyển, bảo quản và dự trữ ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí vật liệu qua các khâu của quá trình sản xuất có ý nghĩa lớn trong việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tiết kiệm vốn .

Công cụ dụng cụ cũng có một vị trí rất quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm, nó là những tư liệu không thể thiếu được trong việc sản xuất về mặt giá trị và thời gian sử dụng qui định nó không đủ tiêu chuẩn được xếp vào tài sản cố định. Bởi vậy công cụ dụng cụ mang đầy đủ tính chất, đặc điểm như tài sản cố định hữu hình (tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, giá trị hao mòn dần trong quá trình sử dụng giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến lúc hư hỏng).

Do công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ, chóng hao mòn và hư hỏng đòi hỏi phải thay thế và bổ sung thường xuyên nên được xếp vào tài sản cố định được mua sắm bằng vốn lưu động của doanh nghiệp như đối với nguyên vật liệu.

Qua những đặc điểm trên của công cụ dụng cụ làm cho việc quản lý và hạch toán không hoàn toàn giống như quản lý và hạch toán tài sản cố định và được hạch toán như nguyên vật liệu. Điều này thể hiện rõ nhất ở khâu quản lý, tổ chức và hạch toán về hiện trạng công cụ lao động từ khi xuất dùng đến khi bị hư hỏng như phương pháp hạch toán giá trị hao mòn của công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Xuất phát từ vai trò quan trọng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đòi hỏi các doanh nghiệp phải quản lý chặt chẽ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở tất cả các khâu thu mua, bảo quản, dự trữ, sử dụng. Trong một chừng mực nào đó, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là cơ sở để tăng thêm sản phẩm mới cho xã hội, tiết kiệm được nguồn tài nguyên vốn không phải là vô tận.

1.1.3. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất

Từ vị trí quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhưng vật liệu ,công cụ dụng cụ thường xuyên biến động vì nó được thu mua từ nhiều nguồn, nhiều nơi khác nhau và xuất dùng cho nhiều đối tượng sử dụng cho nên để quản lý được vật liệu, công cụ dụng cụ thúc đẩy việc cung ứng kịp thời, đồng bộ những vật liệu,

công cụ dụng cụ cho sản xuất. Các doanh nghiệp thường xuyên phải tiến hành mua vật liệu để đáp ứng kịp thời cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm và các nhu cầu khác của doanh nghiệp. Xuất phát từ đó thì việc quản lý kiểm tra vật liệu, công cụ dụng cụ là điều kiện quan trọng không thể thiếu được. Đó là việc kiểm tra, giám sát chấp hành các định mức dự trữ, tiêu hao vật liệu-công cụ dụng cụ ngăn ngừa các hiện tượng hư hao mất mát lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất qua đó góp phần giảm bớt chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động, hạ thấp chi phí sản xuất giá thành sản phẩm .

Đồng thời qua việc quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ giúp cho kế toán nắm được một cách chính xác, kịp thời về số lượng, chất lượng và giá thành thực tế từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho, nhập kho. Tổ chức tốt công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ còn có tác dụng tính toán, kiểm tra giám sát và đôn đốc tình hình thu mua dự trữ và tiêu hao, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời việc thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất ngăn ngừa những trường hợp sử dụng lãng phí vật liệu, công cụ dụng cụ trên cơ sở cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đó chính là nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Quản lý vật liệu từ khâu mua, bảo quản, sử dụng và dự trữ vật liệu , công cụ dụng cụ là một trong những nội dung quan trọng của công tác quản lý doanh nghiệp.

➤ Ở khâu thu mua : Việc tổ chức kho hàng bên bãi trang bị đầy đủ các phương tiện cân đo sao cho đủ về số lượng, đúng chủng loại, tốt về chất lượng, giá cả hợp lý, nhằm hạ thấp chi phí nguyên vật liệu đưa vào sản xuất, góp phần quan trọng trong việc hạ giá thành sản phẩm.

➤ Ở khâu bảo quản : Phải đảm bảo theo đúng chế độ quy định tổ chức hệ thống kho hợp lý, để từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không thất thoát, hư hỏng kém phẩm chất, ảnh hưởng đến chất liệu sản phẩm. Đảm bảo an toàn là một trong các yêu cầu quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

➤ Ở khâu dự trữ : Phải tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành liên tục, cần quan tâm quản lý tốt khâu dự trữ. Doanh nghiệp phải xác định mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường không bị ngưng trệ, gián đoạn. Để đáp ứng được các yêu

cầu quản lý sao cho đầy đủ chặt chẽ và chính xác thì việc áp dụng đúng đắn và đầy đủ về chế độ ghi chép ban đầu, mở các sổ kế toán, thẻ kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ theo đúng chế độ đúng phương pháp qui định, phù hợp với thực chất của mỗi cơ sở kiểm kê đánh giá .

➤ Ở khâu sử dụng : Do chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất vì vậy cần sử dụng nguyên vật liệu đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại, phát huy cao nhất hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ thấp chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm.

Do đó, công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là rất quan trọng nhưng trên thực tế có những doanh nghiệp vẫn để thất thoát một lượng nguyên vật liệu khá lớn do không quản lý tốt nguyên vật liệu ở các khâu, không xác định mức tiêu hao hoặc có xu hướng thực hiện không đúng. Chính vì thế phải luôn luôn phải cải tiến công tác quản lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho phù hợp với thực tế.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp sản xuất

Nhận thức được vị trí của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất đòi hỏi hệ thống quản lý phản ánh chính xác đầy đủ các thông tin số liệu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Do vậy, nhiệm vụ đặt ra đối với công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là :

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, nhập, xuất tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Tính giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã mua. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả, thời hạn,... nhằm đảm bảo cung cấp đầy đủ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cho quá trình sản xuất kinh doanh.

- Áp dụng đúng đắn phương pháp hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Hướng dẫn và kiểm tra các phân xưởng, các phòng ban trong đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Kiểm tra việc chấp hành chế độ bảo quản, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Kiểm tra tình hình nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phát hiện, ngăn ngừa đề xuất biện pháp xử lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thừa, thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để động viên đúng mức nguồn vốn nội bộ, tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn. Tính toán chính xác số lượng, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thực tế đã đưa vào sử dụng và tiêu hao trong quá trình sản

xuất kinh doanh. Phân bổ các giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã tiêu hao vào các đối tượng sử dụng.

- Tham gia kiểm kê và đánh giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo chế độ quy định. Lập các bản báo cáo về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phân tích kinh tế tình hình thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

1.1.5. Phân loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.5.1. Phân loại nguyên vật liệu

➤ Phân loại theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại

- *Nguyên vật liệu chính* : là đối tượng lao động chủ yếu, cấu thành nên thực thể của sản phẩm. “ Nguyên liệu “ là thuật ngữ chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp, “ vật liệu “ dùng để chỉ những nguyên liệu đã qua sơ chế.

- *Vật liệu phụ* : là những vật liệu có tác dụng phục vụ trong quá trình sản xuất, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính làm tăng chất lượng, mẫu mã của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

- *Nhiên liệu* : là những thứ được tiêu dùng cho sản xuất năng lượng như than, dầu mỏ, hơi đốt... Nhiên liệu thực chất là vật liệu phụ được tách thành 1 nhóm riêng do vai trò quan trọng của nó và nhằm mục đích quản lý và hạch toán thuận tiện hơn.

- *Phụ tùng thay thế* : gồm các loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa máy móc, thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải.

- *Thiết bị xây dựng cơ bản* : bao gồm các loại thiết bị cần lắp, không cần lắp, các vật kết cấu dùng cho công tác xây dựng cơ bản, trong công nghiệp.

- *Vật liệu khác* : là các loại vật liệu không được xếp vào các loại kể trên. Chủ yếu là các loại phế liệu thu hồi từ quá trình sản xuất, hoặc từ việc thanh lý TSCĐ.

➤ Phân loại theo nguồn hình thành gồm 3 loại

- *Vật liệu tự chế* : là vật liệu doanh nghiệp tự tạo ra để phục vụ cho nhu cầu sản xuất

- *Vật liệu mua ngoài* : là loại vật liệu doanh nghiệp không tự sản xuất mà do mua ngoài từ thị trường trong nước hoặc nhập khẩu

- *Vật liệu khác* : là loại vật liệu hình thành do được cấp phát, biếu tặng, góp vốn liên doanh.

➤ **Phân loại theo mục đích sử dụng**

- *Vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất sản phẩm*
- *Vật liệu dùng cho các nhu cầu khác* : phục vụ cho sản xuất chung, cho nhu cầu bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp.

1.1.5.2. Phân loại công cụ dụng cụ

Tương tự như vật liệu, công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất khác nhau cũng có sự phân chia khác nhau, song nhìn chung công cụ dụng cụ được chia thành các loại sau:

➤ **Phân loại theo vai trò của công cụ dụng cụ trong quá trình sản xuất kinh doanh có các loại**

- Dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất
- Dụng cụ đồ nghề
- Dụng cụ quản lý
- Dụng cụ quần áo bảo hộ lao động
- Khuôn mẫu đúc các loại
- Lán trại
- Các loại bao bì dùng đựng hàng hoá vật liệu

➤ **Phân loại theo công tác quản lý công cụ dụng cụ có các loại như sau:**

- Công cụ dụng cụ lao động
- Bao bì luân chuyển
- Đồ dùng cho thuê

➤ **Ngoài ra có thể phân chia thành công cụ dụng cụ đang dùng và công cụ trong kho**

Tương tự như đối với vật liệu, trong từng loại công cụ dụng cụ cần được phân loại chi tiết hơn thành từng nhóm, từng thứ, tùy theo yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp.

1.1.6. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.1.6.1. Nguyên tắc tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Áp dụng điều 04 chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 về hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài Chính “ Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được “. Trong đó :

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm : Giá mua, chi phí thu mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được : là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Như vậy phù hợp với chuẩn mực kế toán hàng tồn kho trong công tác hạch toán NVL ở các doanh nghiệp, NVL được tính theo giá thực tế.

1.1.6.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Tính giá của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho tuân thủ theo nguyên tắc giá phí. Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều nguồn nhập khác nhau. Tùy theo từng nguồn nhập mà giá trị thực tế của vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho được xác định khác nhau.

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của} \\ \text{NVL,CCDC} \\ \text{mua ngoài} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{ghi trên} \\ \text{hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{Giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL,CCDC} \\ \text{thuê ngoài gia} \\ \text{công chế biến} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thuê ngoài} \\ \text{gia công chế} \\ \text{biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vận chuyển} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ tự chế:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL,CCDC tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{sản xuất VL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển (nếu có)} \end{array}$$

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ được cấp:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{của VL,CCDC được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo} \\ \text{biên bản giao nhận} \end{array}$$

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ nhận góp vốn liên doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của VL,CCDC} \\ \text{nhận góp vốn liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp} \\ \text{do hội đồng liên doanh đánh giá} \end{array}$$

➤ Đối với vật liệu, công cụ dụng cụ được biếu tặng, viện trợ:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của VL,CCDC} \\ \text{được biếu tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thị trường} \\ \text{tại thời điểm nhận} \end{array}$$

➤ Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Giá có thể sử dụng lại} \\ \text{phế liệu thu hồi} & = & \text{hoặc giá có thể bán} \end{array}$$

1.1.6.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Việc lựa chọn phương pháp tính giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp. Điều 13 chuẩn mực số 02 nêu ra 4 phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho. Ngoài ra trên thực tế còn có phương pháp giá hạch toán. Tuy nhiên khi xuất kho kế toán tính toán, xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán.

*** Phương pháp tính giá thực tế đích danh :** Theo phương pháp này, vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó. Phương pháp này thường được áp dụng cho những doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Ưu điểm : Xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

Nhược điểm: Trong trường hợp đơn vị có nhiều mặt hàng, nhập xuất thường xuyên thì khó theo dõi và công việc của kế toán chi tiết vật liệu sẽ rất phức tạp.

*** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập hoặc cả kỳ dự trữ:**

Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hoá khi nhập, xuất kho. Công thức tính:

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thực tế của} & & \text{Số lượng thực tế} & & \text{Đơn giá thực tế} \\ \text{NVL,CCDC xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Trong đó đơn giá bình quân có thể được tính bằng một trong hai cách sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Đơn giá bình} & & \text{Trị giá thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ} \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} & = & \frac{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng thực tế NVL, CCDC tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Đơn giá bình quân} & & \text{Trị giá NVL, CCDC sau mỗi lần nhập} \\ \text{sau mỗi lần nhập} & = & \frac{\text{Số lượng NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}} \end{array}$$

Đơn giá bình quân có thể được xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của NVL, CCDC xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

Đơn giá bình quân có thể được xác định sau mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn. Với cách tính này khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy.

*** Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO) :**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Ưu điểm : Cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho kịp thời, phương pháp này cung cấp một sự ước tính hợp lý về giá trị vật liệu cuối kỳ. Trong thời kỳ lạm phát phương pháp này sẽ cho lợi nhuận cao do đó có lợi cho các công ty cổ phần khi báo cáo kết quả hoạt động trước các cổ đông làm cho giá cổ phiếu của công ty tăng lên.

Nhược điểm : Các chi phí phát sinh hiện hành không phù hợp với doanh thu phát sinh hiện hành. Doanh thu hiện hành có được là do các chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng và hàng tồn kho nói chung vào kho từ trước. Như vậy chi phí kinh doanh của doanh nghiệp không phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

*** Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO) :**

Theo phương pháp này, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính giá thực tế xuất kho trên cơ sở giả định vật liệu, công cụ dụng cụ nào nhập sau được sử dụng trước và tính theo đơn giá của lần nhập sau. Phương pháp này cũng được áp dụng đối với doanh nghiệp ít danh điểm vật tư và số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều. Phương pháp này thích hợp trong thời kỳ giảm phát.

Ưu điểm : Đảm bảo nguyên tắc doanh thu hiện tại phù hợp với chi phí hiện tại. Chi phí của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Làm cho thông tin về thu nhập và chi phí của doanh nghiệp trở nên chính xác hơn. Tính theo phương pháp này doanh nghiệp thường có lợi về thuế nếu giá cả vật tư có xu hướng tăng, khi đó giá xuất sẽ lớn, chi phí lớn dẫn đến lợi nhuận nhỏ và tránh được thuế.

Nhược điểm : Phương pháp này làm cho thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong thời kỳ lạm phát và giá trị vật liệu có thể bị đánh giá giảm trên bảng Cân đối kế toán so với giá trị thực của nó.

Ngoài 4 phương pháp trên theo chuẩn mực quy định, thực tế các doanh nghiệp còn có thể sử dụng *phương pháp hạch toán (Hệ số giá)*:

Hiện nay thực tế nhiều doanh nghiệp không áp dụng xác định trị giá vật liệu xuất kho theo cách trên mà áp dụng giá hạch toán để tính toán nhằm giảm bớt khối lượng công việc hàng ngày.

Giá hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là giá do doanh nghiệp tự quy định và được sử dụng thống nhất ở doanh nghiệp trong thời gian dài. Hàng ngày kế toán sẽ sử dụng giá hạch toán để ghi sổ chi tiết giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập xuất tồn, cuối kỳ kế toán phải tính hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ để tính giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ để ghi sổ tổng hợp theo công thức:

$$\begin{array}{l}
 \text{Hệ số chênh lệch} \\
 \text{giữa giá thực tế và} \\
 \text{giá hạch toán của} \\
 \text{NVL, CCDC} \\
 \text{Giá thực tế của} \\
 \text{NVL, CCDC xuất} \\
 \text{dùng trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá thực tế của NVL,} \\
 \text{CCDC tồn kho đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá thực tế của NVL,} \\
 \text{CCDC nhập kho trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá hạch toán của NVL,} \\
 \text{CCDC tồn kho đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá hạch toán của NVL,} \\
 \text{CCDC nhập kho trong kỳ}
 \end{array}
 }
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Giá hạch toán của} \\
 \text{NVL, CCDC xuất} \\
 \text{dùng trong kỳ}
 \end{array}
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Hệ số chênh lệch giữa giá} \\
 \text{thực tế và giá hạch toán của} \\
 \text{NVL, CCDC}
 \end{array}$$

Trên đây là các cách tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho theo giá vốn thực tế và theo giá hạch toán. Tùy theo tình hình thực tế của từng doanh nghiệp khác nhau về tính chất ngành nghề sản xuất, yêu cầu quản lý và sử dụng

vật liệu, trình độ của cán bộ công nhân viên mà các cách đánh giá trên sẽ được áp dụng cho phù hợp.

1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.2.1. Hệ thống chứng từ kế toán sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chứng từ kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)
- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Tùy vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp lựa chọn hình thức chứng từ sao cho thuận tiện khoa học. Mọi chứng từ phải được lập đầy đủ, kịp thời theo quyết định ban hành về mẫu biểu nội dung, phải tổ chức luân chuyển theo trình tự, người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Sau đây là một vài mẫu chứng từ, sổ sách kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

- Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S10-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu S11-DN)
- Thẻ kho (Sổ kho) (Mẫu S12-DN)

1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

1.2.2.1. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp thẻ song song:

a. Nội dung

- *Ở kho*: Thủ kho sử dụng “thẻ kho” để ghi chép hàng ngày tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ theo chỉ tiêu số lượng. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho, thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi tiến hành ghi chép các số thực nhập, thực xuất vào chứng từ và thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho trên thẻ kho. Định kỳ thủ kho gửi các chứng từ nhập xuất cho kế toán đã được phân loại theo từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ.

- *Ở phòng kế toán*: Kế toán sử dụng các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng thứ vật liệu theo cả chỉ tiêu số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được chứng từ nhập xuất vật liệu do thủ kho gửi lên, kế toán phải tiến hành kiểm tra lại chứng từ, xác định giá trị hoàn chỉnh chứng từ và phản ánh vào các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ, mỗi chứng từ được ghi một dòng

☞ Cuối tháng, căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ để lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu, công cụ dụng cụ và tiến hành so sánh số liệu giữa:

- ♦ Sổ kế toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ với thẻ kho của thủ kho
- ♦ Đối chiếu số liệu dòng tổng cộng trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn với sổ kế toán tổng hợp

- ♦ Đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết với số liệu kiểm kê thực tế.

- *Ưu điểm*: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu

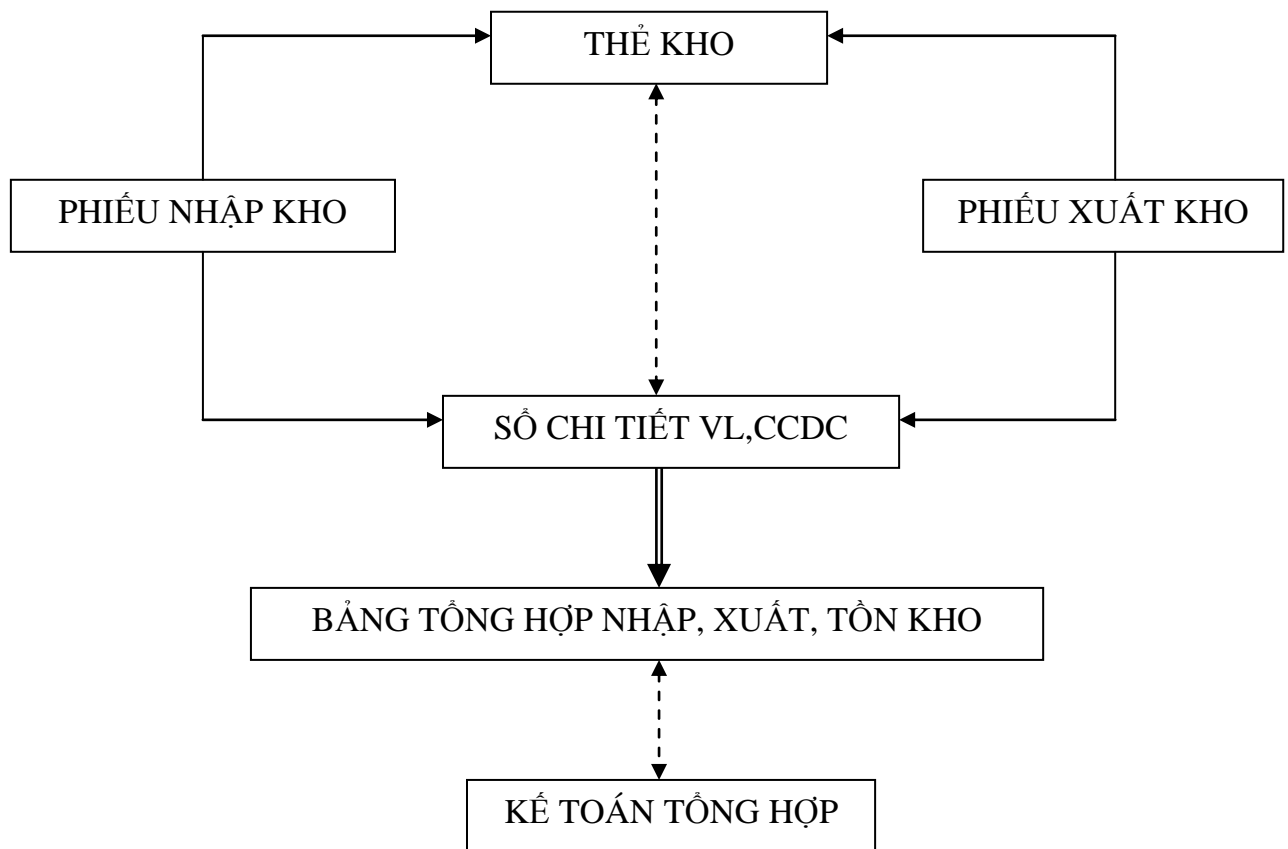
- *Nhược điểm*: Trùng lặp giữa kế toán và kho về mặt số lượng

- *Điều kiện áp dụng*: Thích hợp với doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ việc nhập xuất diễn ra không thường xuyên. Tuy nhiên nếu trong điều kiện doanh nghiệp đã áp dụng kế toán máy thì phương pháp này vẫn áp dụng vào những doanh nghiệp có nhiều chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

Phương pháp này có khuynh hướng ngày càng được áp dụng rộng rãi bởi tính thuận tiện của nó cũng như việc áp dụng kế toán máy ngày càng được phổ biến trong các doanh nghiệp.

b. Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.1. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

1.2.2.2. Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển :

a. Nội dung

- Ở kho: Thủ kho vẫn sử dụng “thẻ kho” để ghi chép tình hình nhập xuất tồn của từng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về mặt số lượng.

- Ở phòng kế toán: Để theo dõi tình hình nhập xuất từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ cả về mặt lượng và mặt giá trị, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển. Sổ đối chiếu luân chuyển được mở cho cả năm và được ghi chép 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở tổng hợp những chứng từ nhập, xuất trong tháng, mỗi danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ được ghi vào một dòng trên sổ.

Hàng ngày, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho, kế toán sẽ tiến hành kiểm tra hoàn chỉnh chứng từ, tiến hành phân loại theo từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ riêng hoặc có thể lập “bảng kê nhập” và “bảng kê xuất”.

☞ Cuối tháng, tập hợp số liệu từ các chứng từ hoặc bảng kê ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển và tính ra số tồn cuối tháng. Tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và số liệu kế toán tổng hợp.

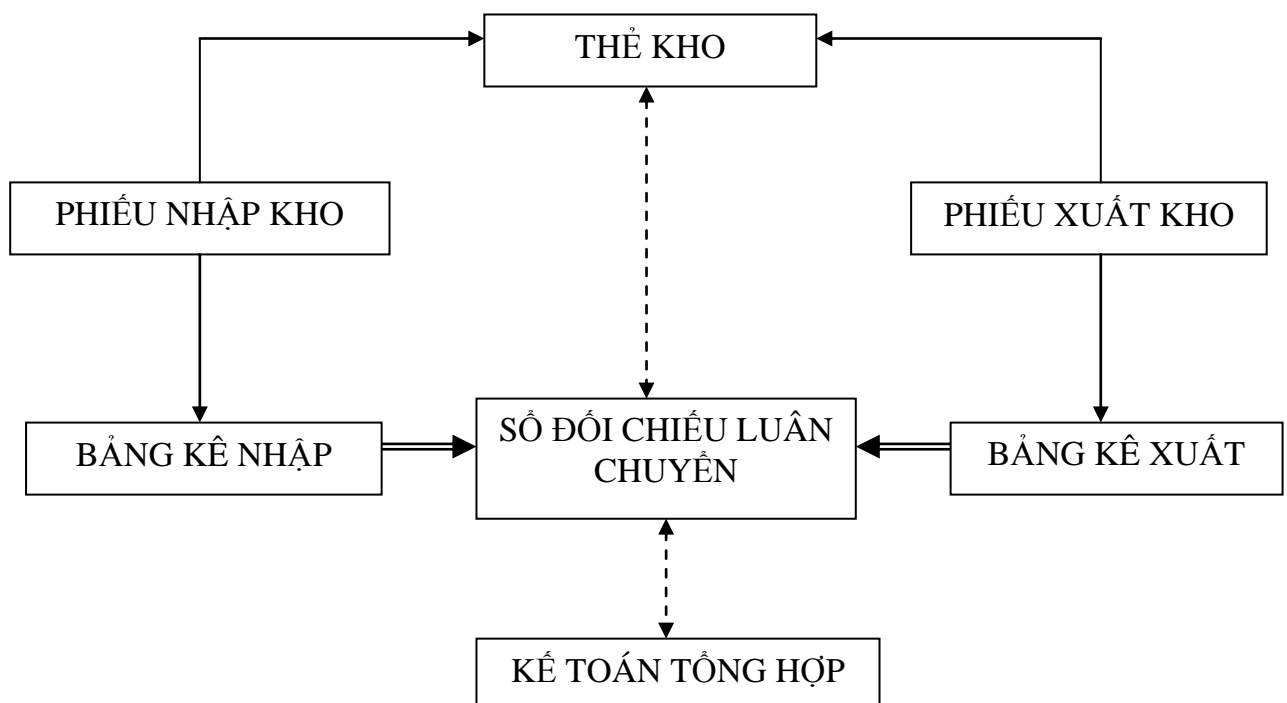
- *Ưu điểm:* Khối lượng ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi 1 lần vào cuối tháng.

- *Nhược điểm:* Phương pháp này vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu số lượng. Việc kiểm tra số lượng chỉ được tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế tác dụng kiểm tra của kế toán.

- *Điều kiện áp dụng:* Phù hợp với những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, không có điều kiện ghi chép tình hình nhập xuất hàng ngày. Phương pháp này ít được sử dụng trong thực tế

b.Sơ đồ hạch toán

Sơ đồ 1.2. Hạch toán chi tiết vật liệu, công cụ dụng cụ phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←- - - -> Quan hệ đối chiếu

1.2.2.3. *Hạch toán chi tiết NVL, CCDC theo phương pháp ghi sổ số dư :*

a. *Nội dung*

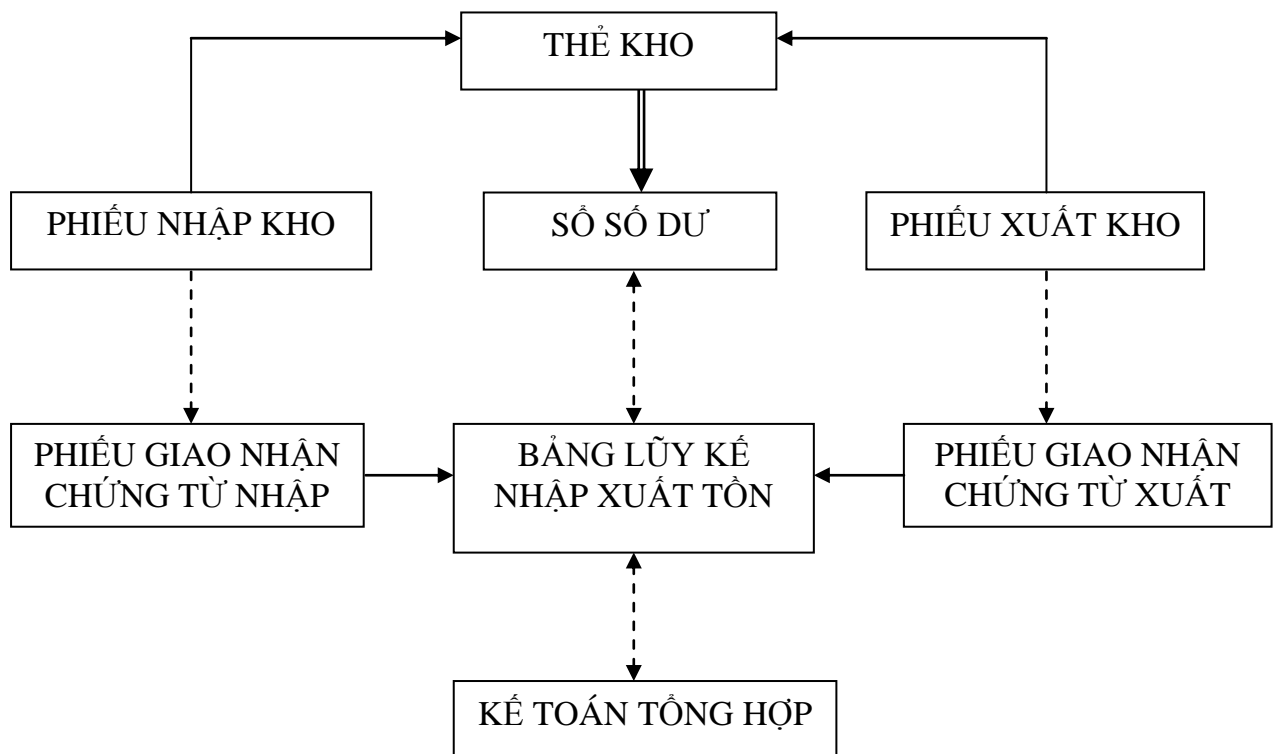
- *Ở kho:* Thủ kho vẫn sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn ngoài ra cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào Sổ số dư.

- *Ở phòng kế toán:* Kế toán định kỳ xuống kho thu nhận chứng từ nhập xuất kho. Khi nhận được chứng từ, nhân viên kế toán kiểm tra lại chứng từ, hoàn chỉnh chứng từ và tổng cộng số tiền và ghi vào cột số tiền trên phiếu giao nhận chứng từ. Đồng thời, ghi số tiền vừa tính được của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm (nhập riêng, xuất riêng) vào bảng lũy kế nhập xuất tồn kho.

Tiếp đó, cộng số tiền nhập, xuất trong tháng và dựa vào số dư đầu tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng nhóm vật liệu, dụng cụ, sản phẩm. Số dư này được dùng để đối chiếu với cột “số tiền” trên sổ số dư (số liệu trên sổ số dư do kế toán vật tư tính bằng cách lấy số lượng tồn kho × giá hạch toán).

b. *Sơ đồ hạch toán*

Sơ đồ 1.3. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư:



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi định kỳ
- ====> Ghi cuối tháng
- <-----> Quan hệ đối chiếu

- *Ưu điểm:*

• Phương pháp này sẽ giúp giảm bớt được khối lượng ghi chép do kế toán chỉ ghi theo chỉ tiêu số tiền và theo nhóm vật liệu, công cụ dụng cụ.

• Đã kết hợp chặt chẽ giữa hạch toán nghiệp vụ và hạch toán kế toán. Kế toán đã thực hiện được việc kiểm tra thường xuyên việc ghi chép và bảo quản trong kho của thủ kho.

• Khối lượng công việc được dàn đều trong tháng.

- *Nhược điểm:*

• Kế toán chưa theo dõi chi tiết đến từng thứ vật liệu, công cụ dụng cụ nên để thông tin về tình hình nhập xuất tồn của từng loại vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải căn cứ vào thẻ kho.

• Việc kiểm tra phát hiện sai sót giữa phòng kế toán và kho là phức tạp.

- *Điều kiện áp dụng:*

• Đối với doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật liệu, công cụ dụng cụ việc nhập xuất diễn ra thường xuyên.

• Doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống giá hạch toán và xây dựng được hệ thống danh điểm vật liệu, công cụ dụng cụ hợp lý. Các cán bộ kế toán có trình độ chuyên môn vững vàng.

1.2.3. Kế toán tổng hợp NVL, CCDC

1.2.3.1. Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên

a. Các tài khoản sử dụng

➤ TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại nguyên, vật liệu của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế (Có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm thứ vật liệu)

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại doanh nghiệp TK152 có thể mở các tài khoản cấp 2 chi tiết như sau :

TK 1521 : Nguyên vật liệu chính

TK 1522 : Vật liệu phụ

TK 1523 : Nhiên liệu

TK 1524 : Phụ tùng thay thế

TK 1525 : Thiết bị xây dựng cơ bản

TK 1528 : Vật liệu khác

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK152**

Bên Nợ :

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá nguyên vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có :

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, hoặc đưa đi góp vốn
- Trị giá nguyên vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua
- Chiết khấu thương mại nguyên vật liệu khi mua được hưởng
- Trị giá nguyên vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ :

Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.

➤ **TK 153 – Công cụ, dụng cụ**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động về các loại công cụ, dụng cụ trong kho của doanh nghiệp theo giá trị vốn thực tế (Có thể mở chi tiết cho từng loại, nhóm thứ công cụ, dụng cụ)

Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại doanh nghiệp TK153 có thể mở các tài khoản cấp 2 chi tiết như sau :

TK 1531: Công cụ dụng cụ

TK 1532: Bao bì luân

TK 1533: Đồ dùng cho thuê

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK153**

Bên Nợ :

- Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn liên doanh hoặc từ các nguồn khác.
- Trị giá công cụ dụng cụ thừa phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có :

- Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công, chế biến, hoặc đưa đi góp vốn
- Trị giá công cụ dụng cụ trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua

- Chiết khấu thương mại công cụ dụng cụ khi mua được hưởng
- Trị giá công cụ dụng cụ hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê
- Kết chuyển trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Số dư bên Nợ :

Trị giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ.

➤ TK 151 - Hàng mua đang đi đường

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá các loại nguyên vật liệu mua ngoài mà DN đã mua đã chấp nhận thanh toán và thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng chưa về nhập kho của doanh nghiệp, còn đang đi trên đường vận chuyển ở bến cảng, bến bãi hoặc đã về đến doanh nghiệp nhưng đang chờ kiểm nhận nhập kho hoặc hàng đi đường tháng trước tháng này nhập kho.

*** Kết cấu và nội dung phản ánh của TK151****Bên Nợ :**

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên Có :

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (Trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng hóa tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

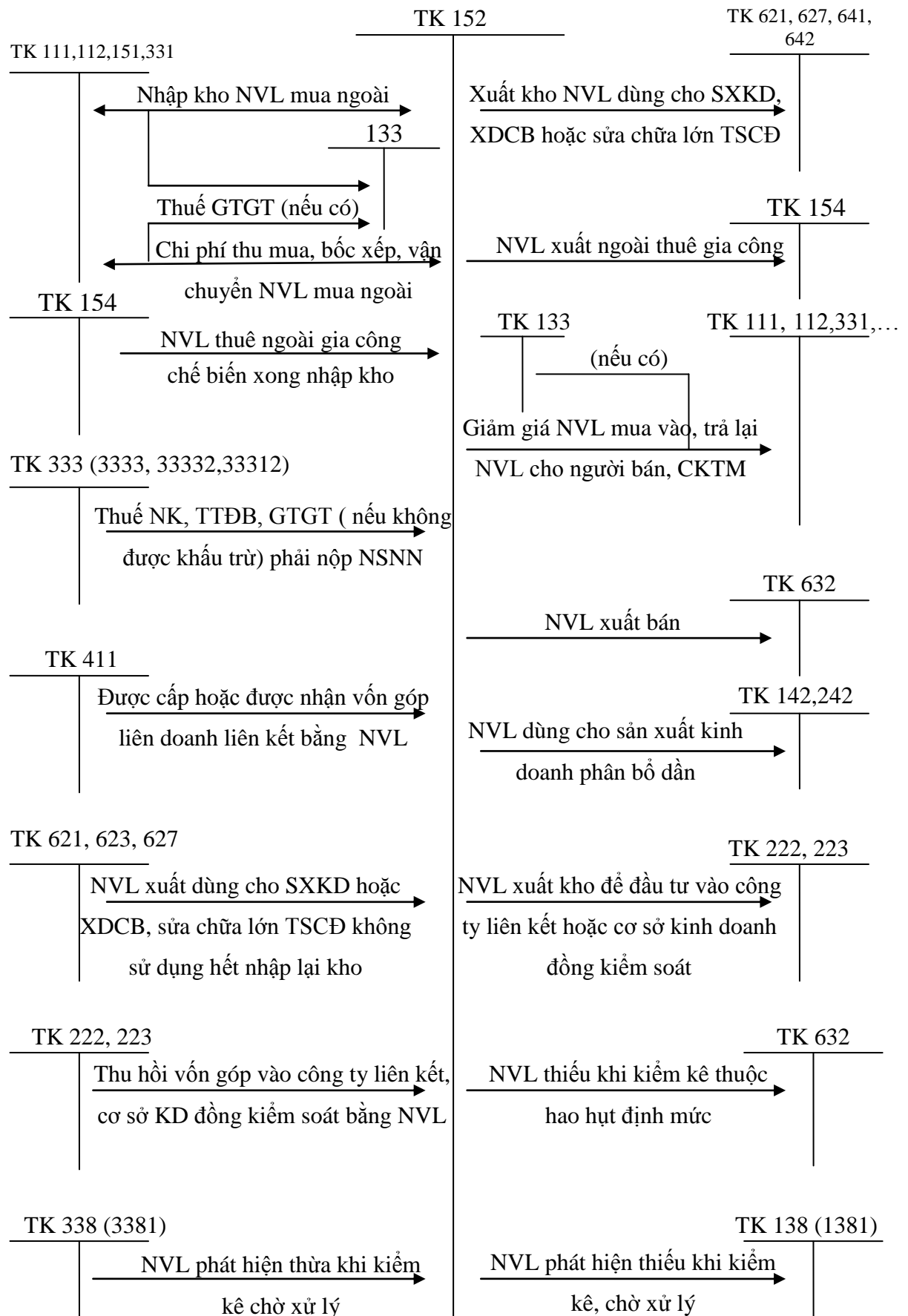
Số dư bên Nợ: Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (Chưa về nhập kho đơn vị)

Ngoài ra, kế toán còn sử dụng các tài khoản như TK 331, TK 621, TK 627, TK 642, TK 142, TK 242, TK 241, TK 111, TK 112, TK 141, TK 138...

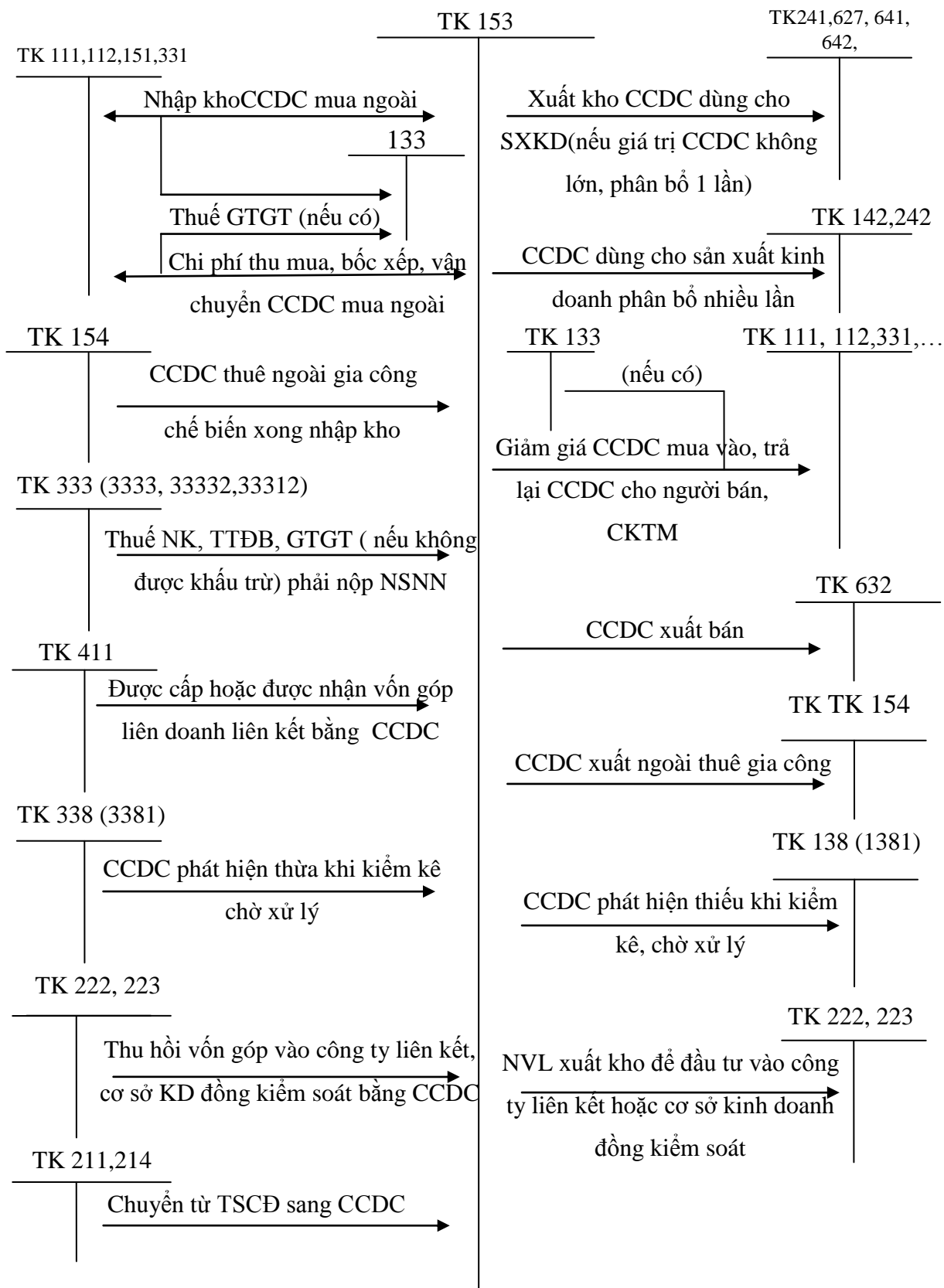
b. Sơ đồ hạch toán

- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Sơ đồ 1.4. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.5. Hạch toán tổng hợp công cụ dụng cụ theo phương pháp kê khai thường xuyên



- Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Đối với các nghiệp vụ kế toán hạch toán tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng giống như phương pháp khấu trừ, nhưng chỉ khác ở chỗ giá mua vào của nguyên liệu, vật liệu nhập kho bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá phải trả cho nhà cung cấp).

1.2.3.2. Hạch toán tổng hợp NVL, CCDC theo phương pháp kiểm kê định kì :

a. Nội dung và tài khoản sử dụng :

➤ Nội dung

- Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

- Trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu nhập, công cụ dụng cụ, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”.

- Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC xuất} \\ \text{kho trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC tồn} \\ \text{kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế của} \\ \text{NVL, CCDC} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NVL, CCDC} \\ \text{tồn kho cuối kỳ} \end{array}$$

- Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên.

- Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quày, bến bãi.

➤ Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán tổng hợp tình hình nhập, xuất nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ sử dụng:

TK 152- Nguyên liệu, vật liệu. (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 153- Công cụ, dụng cụ. (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 151 - Hàng mua đang đi đường (Kết cấu và nội dung phản ánh đã nêu ở trên)

TK 611 - Mua hàng. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá nguyên liệu, vật liệu mua vào, nhập kho hoặc đưa vào sử dụng trong kỳ. Kết cấu của tài khoản:

Bên Nợ:

- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ.

Bên Có:

- Kết chuyển giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê)

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ.

- Giá gốc nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại người bán hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

Ngoài ra, cũng giống như phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp kiểm kê định kỳ cũng sử dụng các tài khoản như: TK111, TK112, TK128, TK621, TK641, TK642....

b. Sơ đồ hạch toán

➤ *Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ: (Sơ đồ 1.6 trang 24)*

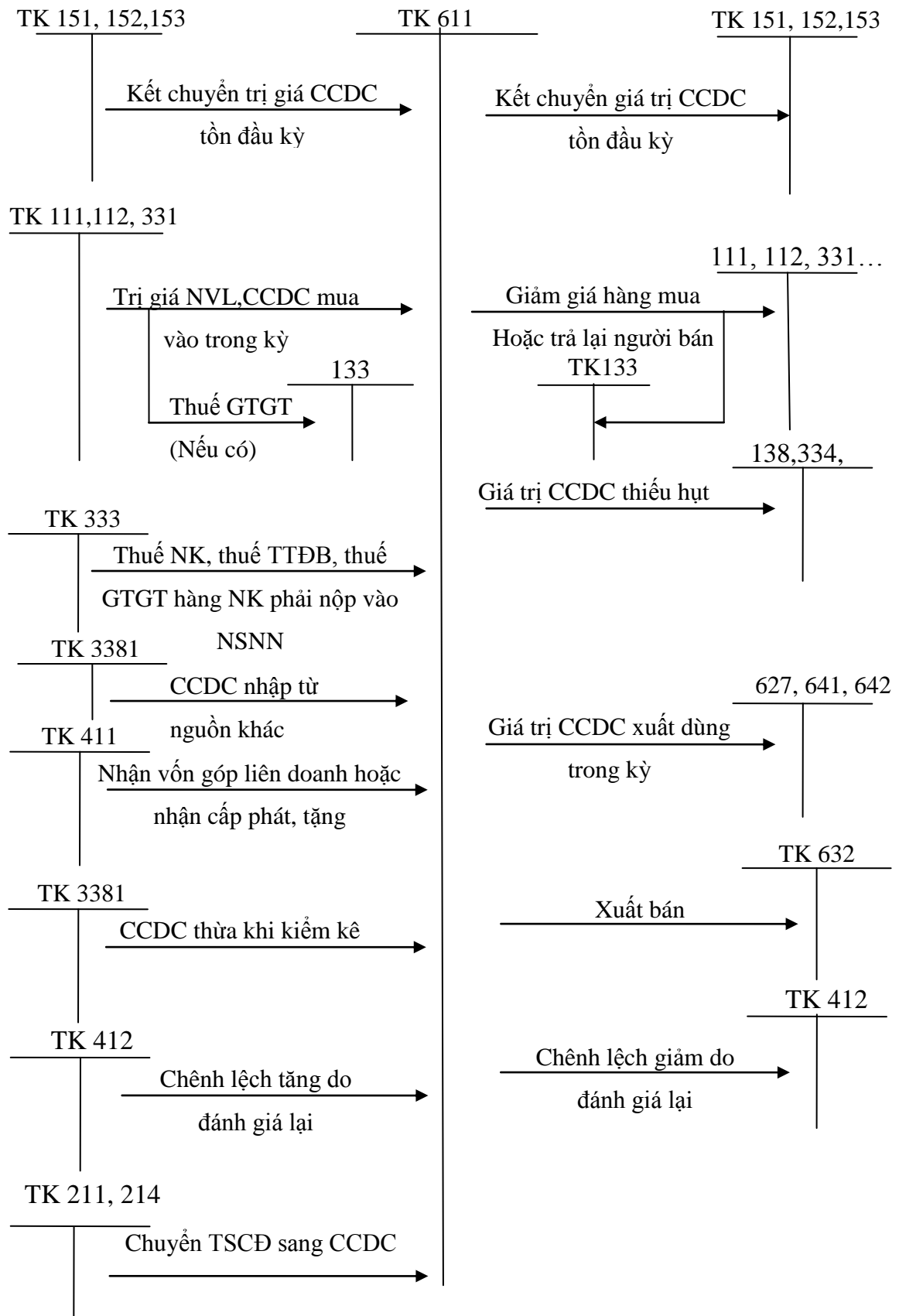
1.3. Tổ chức sổ kế toán

Hiện nay, các doanh nghiệp thường sử dụng rất các hình thức kế toán sau :

- Hình thức kế toán nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán nhật ký chung
- Hình thức kế toán nhật ký sổ cái

Mỗi hình thức kế toán có ưu nhược điểm riêng và các điều kiện áp dụng cho từng loại vùng doanh nghiệp. Tuy nhiên tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất kinh doanh mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đơn vị mình để tự đó cung cấp những thông tin kế toán kịp thời, đầy đủ, đáng tin cậy giúp cho việc quản lý và ra quyết định của giám đốc.

Sơ đồ 1.6. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- *Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;*
- *Sổ Cái;*
- *Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.*

1.3.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Sơ đồ 1.8)

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

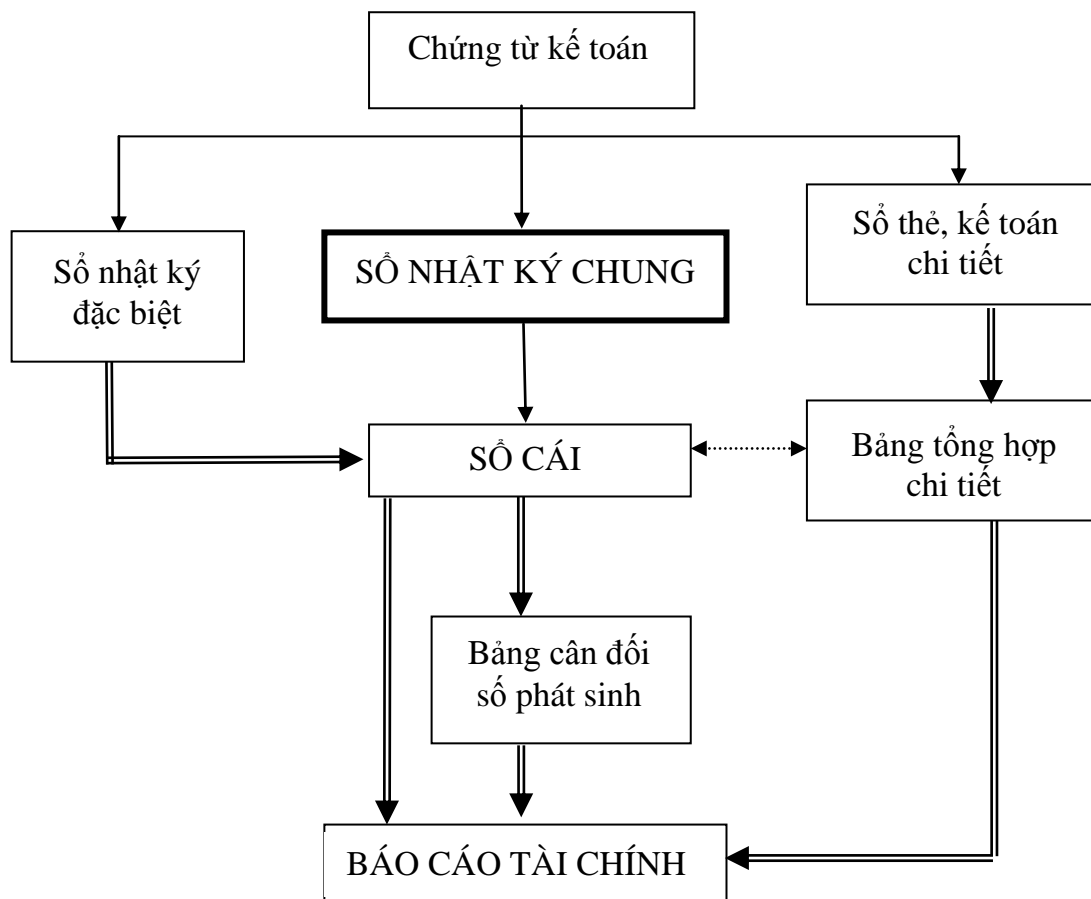
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối sổ phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối sổ phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ

Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.8. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý) ══════=>

Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

1.3.2.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.2. *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái (Sơ đồ 1.9)*

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{Tổng số tiền của cột} & \text{Tổng số phát sinh} & \text{Tổng số phát sinh} \\ \text{“Phát sinh” ở phần} & = \text{Nợ của tất cả các} & = \text{Có của tất cả các} \\ \text{Nhật ký} & \text{Tài khoản} & \text{Tài khoản} \end{array}$$

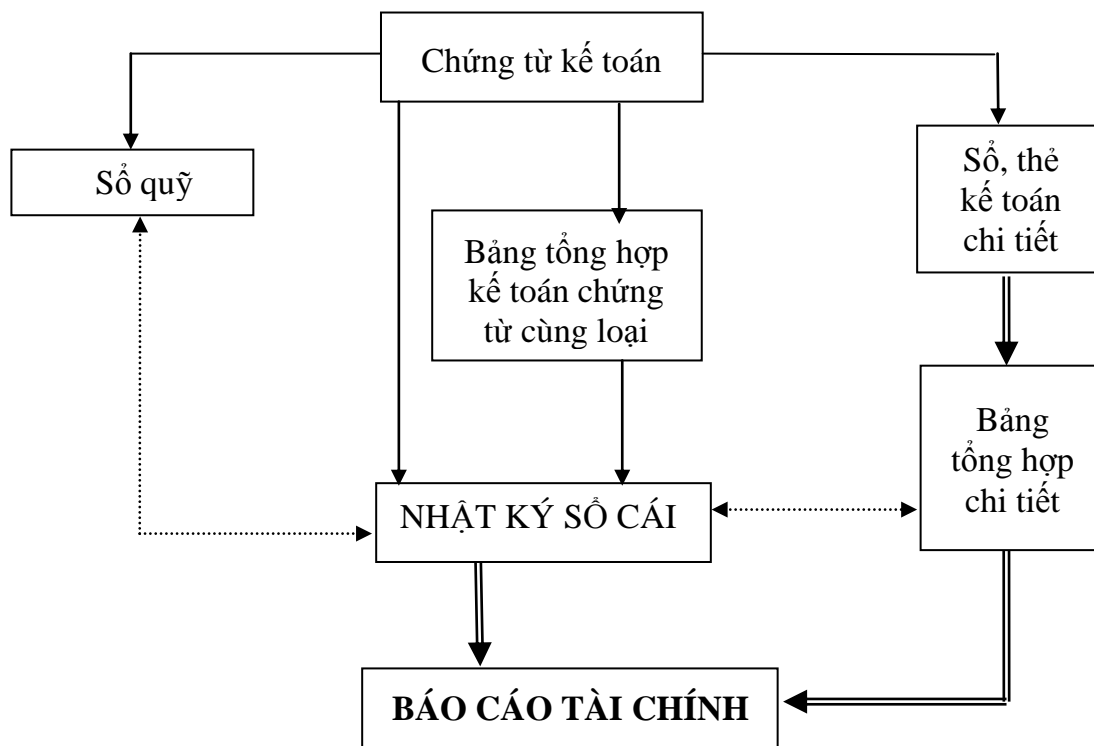
$$\text{Tổng số dư Nợ các Tài khoản} = \text{Tổng số dư Có các tài khoản}$$

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khoá sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khoá sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu

trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ (Sơ đồ 1.10)

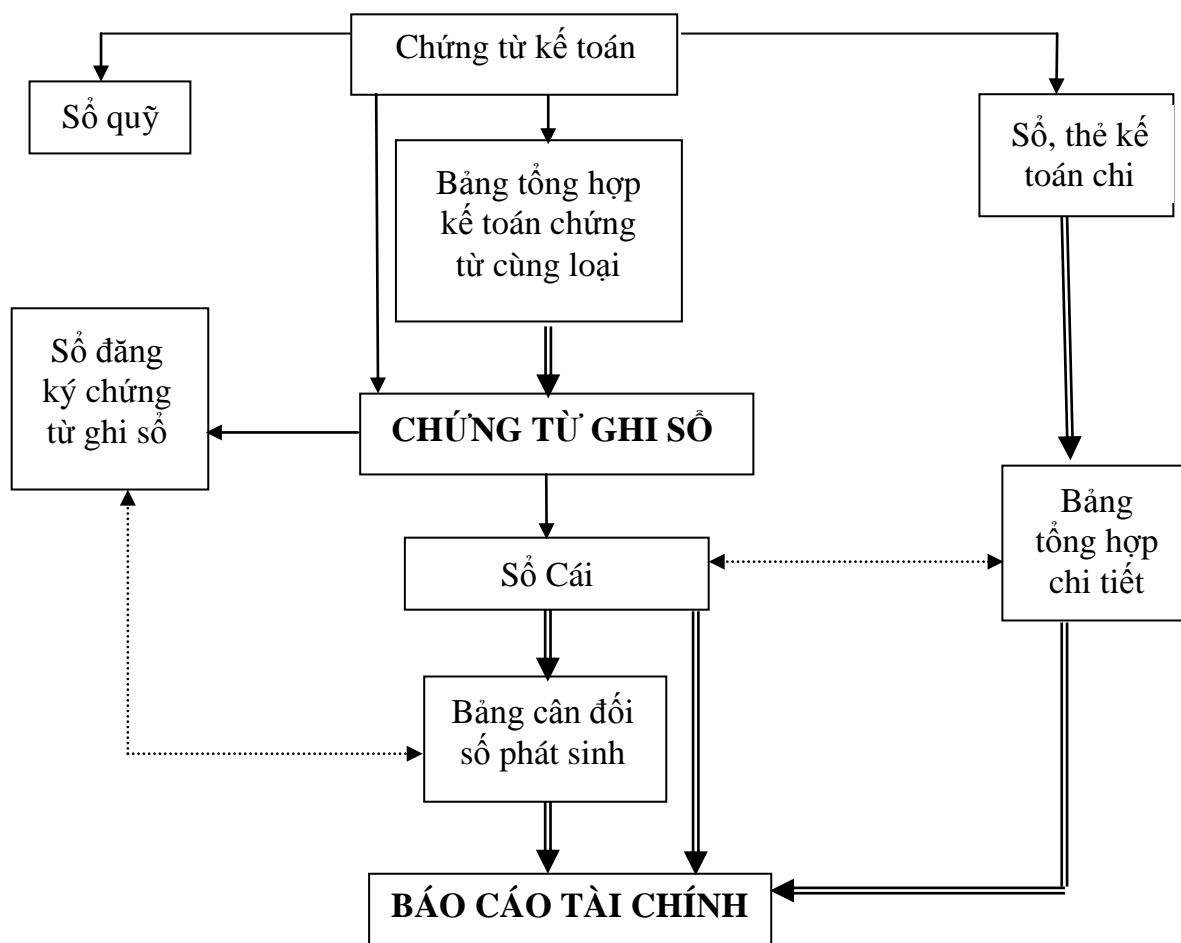
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.10. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng ══════=>
- Đối chiếu , kiểm tra <----->

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

1.3.4.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.3.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ (Sơ đồ 1.11)

(1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

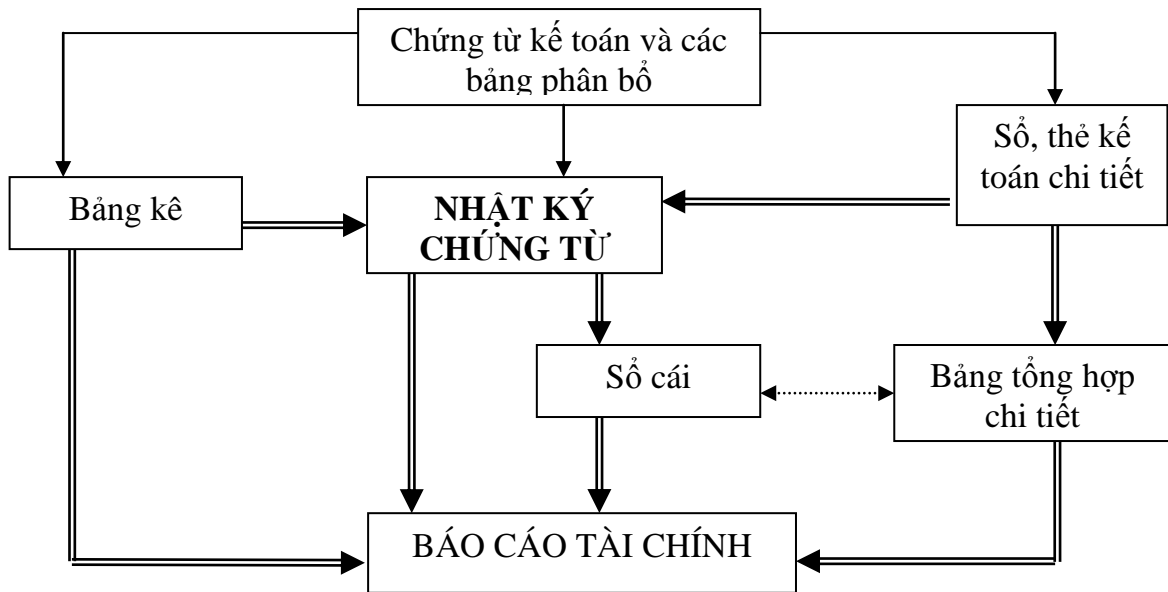
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu, kiểm tra

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính (Sơ đồ 1.12)

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài

khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

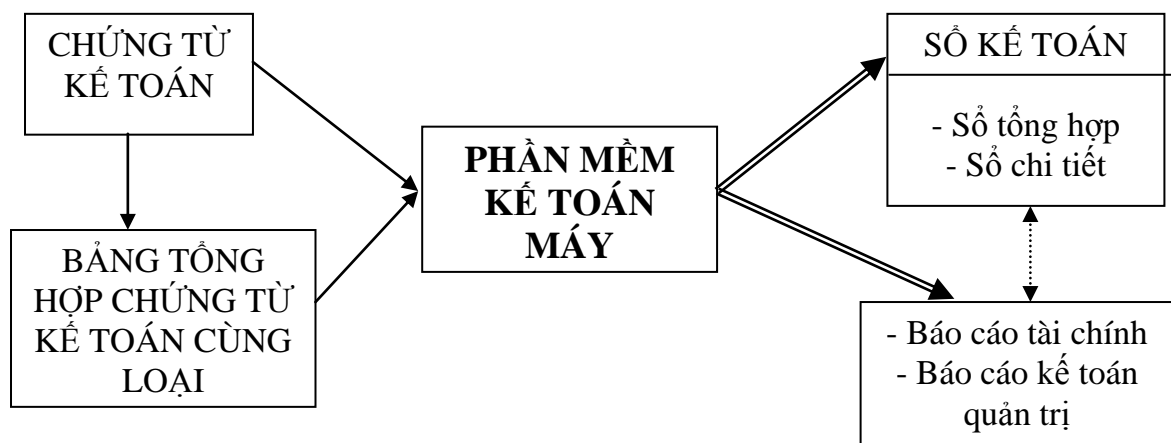
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú :

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU,
CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM****2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH may Thiên Nam**

Công ty TNHH may Thiên Nam được thành lập ngày 22/06/2004 theo giấy phép KD số 02000016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp. Với số vốn điều lệ là 15.000.000.000 VNĐ

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH May Thiên Nam

Tên giao dịch quốc tế của Công Ty: THIEN NAM GARMENT CO.,LTD

Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH

Địa chỉ :Km số 3 - Đường Phạm Văn Đồng - Phường Anh Dũng - Quận Dương Kinh - TP. Hải Phòng

Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và mở tài khoản tại ngân hàng ACB theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Số tài khoản:10109706349 tại Ngân hàng Á Châu - Hải Phòng

Mã số thuế: 0200593607

Diện tích đất sử dụng: 24.628,40m²

Số điện thoại : 031.3581956

Số Fax : 031.3581703

2.1.1.Chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH may Thiên Nam

Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất kinh doanh hàng may mặc tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Sản phẩm chủ yếu: sơ mi nam, nữ

Thị trường: Châu Âu, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc...

Năng lực sản xuất: 1.5 triệu sản phẩm/ năm

Số lao động: 610

Tổng số thiết bị: 580 (máy may công nghiệp)

Đối tác bán hàng chính: Seidensticker, Itochu, Miles, HadeisgeseIchaft, JCPenney, Mangharam, Sinolanka, New M, Supereme, K- Mart, Target, MAST, Lifung, May, Resources, Mitsui, Senga, Primo....

Thương hiệu của may 10: Pharaon, Bigman, Chambray, Freeland, Cleopatre, PrettyWoman, Jackhot, Tennisus, May 10...

Thị trường EU: Pierre Cardin, Alain Delon, Seidensticker, Dornbush, Jacques Britt, Barrisan, Camel, Celio, Port Louis, Pattic Oconnor, Jactissot, Royal Class, Burton, Devred Ben Sherman, VanHeusen...

Thị trường Mỹ: VanHeusen, PerryEllis, Portfolio, Geofferey Beene, DKNY, Arrow, Security, Liz Claiborn, Izod, Foxeroft, Express, LernerNY, St, John Bay, Town Craft, Azirona, Gap, Old Navy, Tommy, Hifigher ...

Thị trường Nhật: Leo- Storm, Reputation, Hiroko, Koshio, Tak- Q.com, Tinroad, Aoyama...

Chính sách chất lượng của công ty:

Hệ thống quản lý chất lượng: ISO 9000 – 2000.

Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14000.

2.1.2. Thuận lợi, khó khăn và thành tích đạt được của công ty TNHH may Thiên Nam

2.1.2.1. Thuận lợi và khó khăn

Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập song nhờ có những thuận lợi nhất định mà công ty sớm từng bước đi vào hoạt động ổn định. Tham gia vào nền kinh tế thị trường có tính cạnh tranh mạnh mẽ nhờ nhu cầu về chất lượng và giá cả là quan trọng. Nhận thức được vấn đề đó công ty đã bỏ vốn đầu tư mua sắm các máy móc từ nước ngoài rất mới và hiện đại với quy trình công nghệ tiên tiến. Vì vậy đã sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng cao. Đồng thời có sự giúp đỡ, hướng dẫn từ các doanh nghiệp nước ngoài là các doanh nghiệp có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trong các ngành may mặc và xây dựng được một thị trường đầu ra rộng lớn, có thể coi là thị trường tiêu thụ truyền thống của các doanh nghiệp châu Âu. Nhà máy được xây dựng tại vị trí thuận lợi nơi có nguồn lao động đông đảo, nguồn vật liệu đầu vào đạt chất lượng với giá cả hợp lý, giao thông thuận lợi giúp phần không nhỏ trong việc tiết kiệm chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm.

Bên cạnh những thuận lợi đó doanh nghiệp gặp không ít khó khăn. Doanh nghiệp sản xuất mặt hàng may mặc là hàng xuất khẩu truyền thống nên có nhiều đối thủ cạnh tranh cả trong và ngoài nước. Hàng hoá lại xuất sang thị trường rất

khó tính đòi hỏi yêu cầu cao về chất lượng và phải qua quá trình kiểm tra nghiêm ngặt. Đặc biệt là trong nền kinh tế đang khủng hoảng như hiện nay việc thu hút nguồn lao động rất khó. Đồng thời doanh nghiệp cũng ở trong tình trạng chung của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay là qui mô sản xuất nhỏ, chịu cước phí của các dịch vụ khá cao, năng lực tài chính cũng chưa đủ mạnh. Thêm vào đó hệ thống pháp luật, chính sách, chế độ quản lý cũng nhiều bất cập, đặc biệt các cơ quan quản lý cũng chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn giúp cho các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh về cơ chế vốn và thị trường.

Trong thực tế Công ty TNHH May Thiên Nam đã phát huy được những thuận lợi và khắc phục khó khăn để thực hiện các mục tiêu đề ra. Công ty xác định nhiệm vụ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Khẳng định chỗ đứng trên thị trường truyền thống đồng thời mở rộng thị trường sang các nước có nhu cầu về sản phẩm. Không ngừng cải tiến công nghệ, cải tiến quản lý, tăng năng suất đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận.

2.1.2.2. Thành tích đạt được trong những năm qua

Sau đây là một số chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của công ty trong những năm gần đây:

Tốc độ tăng trưởng của công ty trong những năm gần đây:

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Doanh thu thuần	35,964,512,067	50,312,745,130	76,656,702,090
Lợi nhuận thuần	1,232,689,259	2,272,974,939	5,092,792,145
TN bình quân đầu người	2,560,000	2,950,000	3,342,000
Tổng vốn kinh doanh	22,826,694,518	31,282,788,758	47,064,849,086

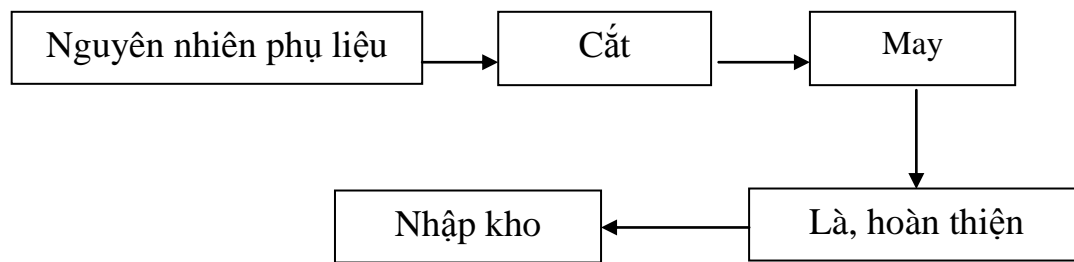
(Nguồn tài liệu trích BCTC năm 2010, 2011)

2.1.3. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH may Thiên Nam

Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh tại công ty là:

- Sản xuất hàng may mặc
- Tiếp nhận đầu tư xuất nhập khẩu uỷ thác, làm đại lý mua bán ký gửi hàng hoá.

Sản phẩm chủ yếu của công ty là áo sơ mi phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Sơ đồ 2.1***Quy trình sản xuất.***

Từ nguyên nhiên phụ liệu chính là vải, qua công đoạn cắt, thêu (nếu có), căn cứ vào kế hoạch sản xuất đi hàng cấp phát bán thành phẩm sang từng chuyên may.

Sau khi may xong được chuyển qua bộ phận kiểm hoá kiểm tra chất lượng → May → KCS Công ty → Nhập là → Kiểm hoá là → Đóng gói → Nhập kho. Những sản phẩm của công ty luôn đảm bảo chất lượng, tạo niềm tin, uy tín với khách hàng.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH may Thiên Nam**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý (Trang 38)***** Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:**

Giám đốc công ty: NGUYỄN THỊ THIÊN LÝ.

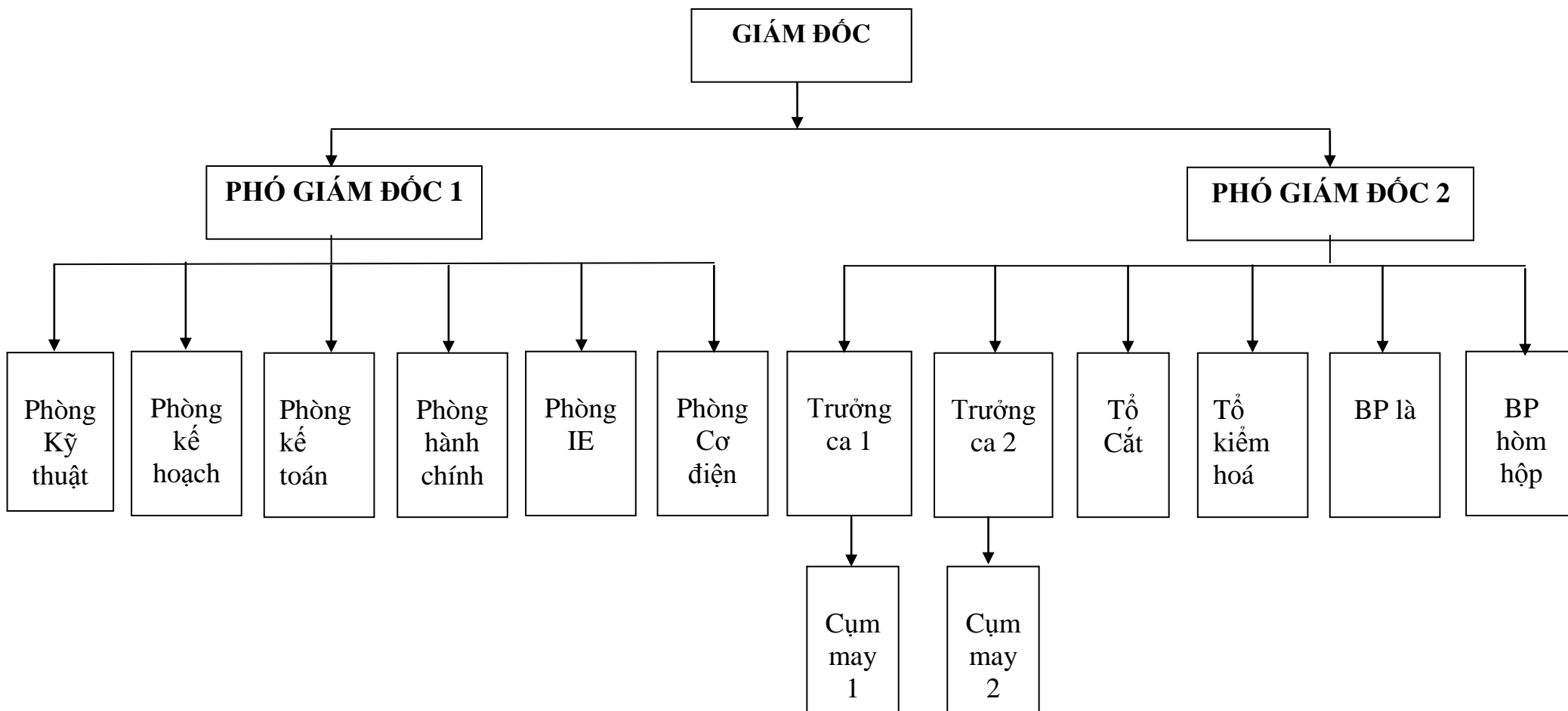
Nhiệm vụ: Chịu trách nhiệm chỉ đạo chung và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, xây dựng chiến lược kế hoạch, chiến lược cho công ty phát triển .

Phó giám đốc 1: PHẠM ANH PHƯƠNG.

Chịu sự quản lý của Giám đốc, thay mặt giám đốc kiểm soát toàn bộ hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm toàn bộ kế hoạch được đề ra. Thường xuyên báo cáo với Giám đốc về công việc mà mình đảm nhiệm.

Phó Giám đốc 2: TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG.

Trực tiếp điều hành sản xuất, quản lý sử dụng lao động, kỹ thuật, vật tư thiết bị, kiểm tra chất lượng sản phẩm, an toàn lao động...Chịu trách nhiệm những phần công việc được phân công trước Giám đốc xí nghiệp và công ty. Thường xuyên báo cáo với Giám đốc về các công việc mình được phân công và phụ trách.



Phòng kế hoạch

Có chức năng tham mưu giúp giám đốc trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, hợp đồng kinh tế, kế hoạch sản xuất, thiết bị thi công, cung ứng vật tư, tổ chức hệ thống quản lý kho tàng của công ty.

Phòng hành chính

Có chức năng tham mưu cho giám đốc công ty trong lĩnh vực quản lý nhân sự, sắp xếp, cải tiến tổ chức quản lý, bồi dưỡng, đào tạo và tuyển dụng lao động. Thực hiện chức năng lao động tiền lương và quản lý hành chính văn phòng của công ty.

Phòng kế toán:

Chịu trách nhiệm về công tác tài chính kế toán, đảm bảo phản ánh kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Chức năng kiểm tra, giám sát công tác tài chính kế toán của các đơn vị trực thuộc, đảm bảo chấp hành đúng quy chế tài chính của công ty và pháp lệnh kế toán thống kê.

Phòng IE

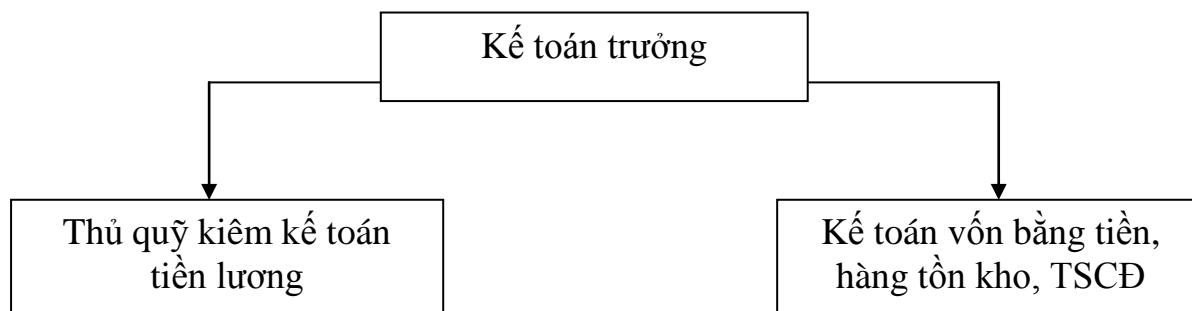
Chịu sự quản lý của Phó Giám đốc1, làm nhiệm vụ nghiên cứu, cải tiến các thao tác, tổ chức, thiết bị sản xuất... tại Công ty.

Công ty TNHH may Thiên Nam là công ty mới thành lập, cơ cấu tổ chức của công ty tinh giản, gọn nhẹ. Các quyền hạn, trách nhiệm của các phòng ban được phân định rõ ràng. Điều đó có thể giúp học phát huy được sự năng động sáng tạo của mình góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công Ty.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam**2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH may Thiên Nam**

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh, công ty tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với tình hình tổ chức công tác kế toán đáp ứng nhu cầu quản lý, điều hành công việc theo hình thức tập trung. Theo mô hình này, phòng kế toán làm nhiệm vụ tổng hợp và hạch toán chi tiết, lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm tra công tác kế toán toàn công ty.

Sơ đồ 2.3. Bộ máy kế toán của Công ty TNHH may Thiên Nam



➤ Nhiệm vụ của từng người trong phòng kế toán như sau:

Trong phòng kế toán dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng, các kế toán làm phần việc cụ thể đã được giao trực tiếp đồng thời hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành công việc.

- *Kế toán trưởng* chịu trách nhiệm tổng hợp tất cả các phần hành kế toán của kế toán viên 1 và 2, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp phần hành kế toán tổng hợp chi phí sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh, lập báo cáo tài chính kế toán.

- *Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương* chịu trách nhiệm tính lương và phát lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

- *Kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, TSCĐ* chịu trách nhiệm các phần hành kế toán vốn bằng tiền và tính giá hàng tồn kho, quản lý tính và trích khấu hao TSCĐ

➤ Công việc của từng nhân viên như sau:

Kế toán vốn bằng tiền, hàng tồn kho, TSCĐ

- Hàng ngày phản ánh tình hình thu chi tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách, phát hiện và xử lý kịp thời sai sót trong việc quản lý và sử dụng tiền mặt.

- Phản ánh tình hình tăng giảm và số dư tiền gửi ngân hàng hàng ngày, giám sát việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.

- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển, kịp thời phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp thích hợp, giải phóng nhanh tiền đang chuyển kịp thời.

- Ghi chép, phản ánh tổng hợp chính xác, kịp thời số lượng, giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và hiện trạng của TSCĐ trong phạm vi doanh nghiệp cũng như từng bộ phận sử dụng TSCĐ, tạo điều kiện cung cấp thông tin để kiểm tra, giám sát thường xuyên việc giữ gìn, bảo quản, bảo dưỡng TSCĐ và kế hoạch đầu tư đổi mới TSCĐ trong từng doanh nghiệp.

- Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ.

- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, tập hợp chính xác và phân bổ hợp lý chi phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí kinh doanh.

- Ghi chép tính toán phản ánh trung thực kịp thời số lượng chất lượng và giá thành thực tế của nguyên nhiên phụ liệu, CCDC, thành phẩm nhập kho.

- Tập hợp và phản ánh đầy đủ chính xác kịp thời số lượng và giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao.

- Phân bổ hợp lý giá trị nguyên nhiên phụ liệu, CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho phải được thực hiện theo từng kho, từng loại, từng nhóm.

- Tính toán phản ánh chính xác số lượng giá trị tồn kho, phát hiện kịp thời thừa thiếu, ứ đọng, kém phẩm chất để có biện pháp xử lý kịp thời.

Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương:

- Theo dõi và quản lý tình hình tăng giảm quỹ tiền mặt, tồn quỹ đầu kì và cuối kì.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh, tổng hợp số liệu về số lượng lao động, thời gian, kết quả lao động, tính lương và trích các khoản theo lương, phân bổ chi phí nhân công theo đúng đối tượng sử dụng lao động.

- Hạch toán lao động tiền lương theo đúng chế độ phương pháp.

- Theo dõi tình hình thanh toán tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp, trợ cấp cho người lao động.

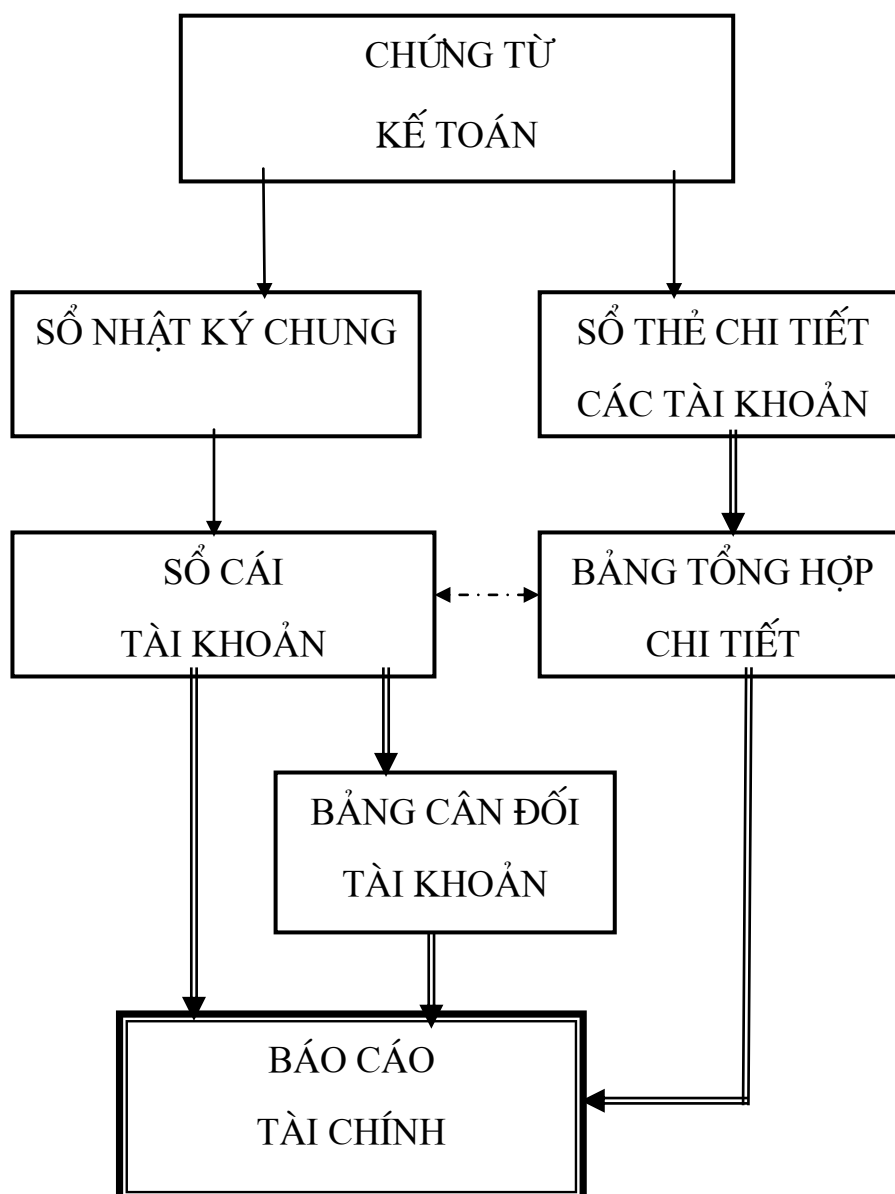
Kế toán trưởng:

- Tổ chức điều hành công tác kế toán của công ty, chịu trách nhiệm giám sát công việc của các kế toán viên.
- Tập hợp chi phí sản xuất phải được tiến hành theo một trình tự hợp lý, khoa học để có thể tính giá thành sản phẩm một cách chính xác kịp thời.
- Tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng hạch toán. Phân bổ chi phí hợp lý cho từng sản phẩm có liên quan.
- Xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ, xác định ra tổng giá thành và giá thành sản phẩm đơn vị.
- Phản ánh chính xác tình hình xuất bán thành phẩm, tính chính xác các khoản bị giảm trừ và thanh toán với ngân sách các khoản thuế phải nộp.
- Tính toán chính xác các chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, quá trình quản lý doanh nghiệp, quá trình hoạt động tài chính.
- Xác định kết quả tiêu thụ sản phẩm, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1.5.2. Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH may Thiên Nam

a. Hình thức ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH may Thiên Nam

➤ Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế phù hợp với quy mô và trình độ của nhân viên kế toán, công ty đã áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức **nhật ký chung**.



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH may Thiên Nam

Ghi chú:

Ghi th- ờng xuyên trong kỳ \longrightarrow

Ghi ngày cuối kỳ \Longrightarrow

Đối chiếu số liệu cuối kỳ \longleftrightarrow

b. Các chính sách và phương pháp kế toán công ty áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính

2. Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12.
3. Hệ thống tài khoản kế toán công ty áp dụng theo QĐ 15 và Thông tư 244
 4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và giao dịch: VNĐ
 5. Thuế GTGT được tính theo phương pháp khấu trừ
 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hoá.
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
 - Phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho: Bình quân liên hoàn
 - Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính theo quyết định 206/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam

2.2.1. Phân loại nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam

2.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu tại Công ty TNHH may Thiên Nam

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

- Nguyên liệu, vật liệu chính : vải kaki, vải ngoài, vải chân phin, vải lot polot...
- Nguyên liệu, vật liệu phụ: Fanilon, cúc đồng, cúc nhựa, chỉ cuộn.....
- Nhiên liệu : xăng, dầu chạy máy
- Vật liệu khác : bao bì, vật đóng gói

2.2.1.2. Phân loại công cụ dụng cụ

- Dụng cụ chuyên dùng cho sản xuất : xe cút kít, dầu máy, ...

- Dụng cụ đồ nghề: kéo may, kéo cắt chỉ, kim, các dụng cụ khác.
- Quần áo đồng phục cho công nhân viên.

2.2.2. Công tác quản lý nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ

Nhận thấy tầm quan trọng của NVL,CCDC đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ NVL, CCDC . Tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL,CCDC và các thủ tục xuất - nhập cũng được quản lý chặt chẽ và liên hoàn

Thủ kho tại đây cũng thực hiện ghi thẻ kho, bảng tổng hợp nhập xuất tồn và hàng tuần sẽ được chuyển lên phòng vật tư tại công ty. Kế toán và các phòng có liên quan theo dõi NVL,CCDC chi tiết .

Với nguyên vật liệu công ty phải chú trọng tới bảo quản tránh mưa ướt, bảo quản nơi khô mát tránh làm mốc và chuột bọ làm hỏng nguyên vật liệu. Công ty đã cho xây dựng hệ thống nhà kho và có thủ kho riêng. Thủ kho của từng kho này sẽ có trách nhiệm bảo quản và quản lý việc nhập xuất vật liệu của kho phụ thuộc về yêu cầu của sản xuất, đồng thời cũng chịu sự quản lý trực tiếp của phòng quản lý vật liệu của Công ty.

Với công cụ dụng cụ cũng tương tự như nguyên vật liệu. Do đặc thù là những vật nhỏ dễ han xỉ mất mát nên thủ kho phải theo dõi chi tiết và bảo quản cẩn thận.

2.2.3. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.3.1. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho của công ty chủ yếu là do mua ngoài. Giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua ngoài nhập kho được xác định theo công thức sau :

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{nguyên vật liệu} \\ \text{CCDC nhập kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{theo hoá đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Thuế nhập} \\ \text{khẩu (nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{giảm trừ} \end{array}$$

Chi phí thu mua trực tiếp bao gồm các chi phí trong quá trình thu mua vật liệu, công dụng cụ: Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bảo quản, chi phí kiểm nhận nhập kho...

Tùy theo từng hợp đồng kinh tế đã ký kết với nhà cung cấp mà các loại chi phí thu mua có thể được cộng hoặc không được cộng vào giá thực tế của NVL, CCDC nhập kho. Nếu chi phí vận chuyển do bên bán chịu thì trị giá thực tế NVL, CCDC mua ngoài nhập kho không bao gồm chi phí vận chuyển.

Ví dụ 1 : Theo hóa đơn GTGT số 0067871 ngày 07 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH may Thiên Nam mua vải PC và vải 2739 của công ty cổ phần xuất nhập khẩu Việt Anh với số lượng lần lượt là 15.000 mét và 11.000 mét đơn giá lần lượt là 20,000đ và 25,000đ chưa bao gồm thuế GTGT. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy, giá thực tế nhập kho của lô vải này là:

Vải PC : giá nhập 20.000 đ/m

Vải 2739: giá nhập 25.000 đ/m

Ví dụ 2 : Theo hóa đơn GTGT số 0071281 ngày 12 tháng 12 năm 2011, Công ty TNHH may Thiên Nam mua dao thùy $\frac{1}{2}$ "-12mm, dao thùy $\frac{3}{4}$ "-19mm, dao thùy $\frac{3}{8}$ -10mm của Công ty TNHH Minh Tâm với số lượng lần lượt là 120 chiếc, 84 chiếc, 240 chiếc, đơn giá đều là 5.000đ, chưa bao gồm thuế GTGT. Hàng được giao tận kho của công ty, chi phí vận chuyển đã tính vào giá mua. Như vậy, giá thực tế nhập kho của lô dao này là:

Dao thùy $\frac{1}{2}$ "-12mm: giá nhập 5.000 đ

Dao thùy $\frac{3}{4}$ "-19mm: giá nhập 5.000 đ

Dao thùy $\frac{3}{8}$ -10mm: giá nhập 5.000 đ

Công tác thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tuân thủ theo kế hoạch đặt ra của công ty, để tránh lãng phí tổn động vốn, gây thiệt hại cho sản xuất.

2.2.3.2. Tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất kho

Tại Công ty TNHH may Thiên Nam NVL, CCDC được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn. Sau mỗi lần nhập, kế toán xác định đơn giá bình quân cho từng nguyên vật liệu như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}$$

Theo phương pháp này, ngay khi nghiệp vụ xuất phát sinh, đơn giá bình quân lần nhập cuối cùng trước khi xuất được dùng làm đơn giá để tính ra trị giá thực tế NVL, CCDC xuất kho. Cách tính này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được sự biến động về giá nhưng khối lượng tính toán lớn vì sau mỗi lần nhập, kế toán phải tính giá một lần.

Vì vậy kế toán phải luôn theo dõi chặt chẽ giá của từng lô hàng để tính giá vốn hàng xuất hoặc bán và giá trị vật liệu, dụng cụ xuất dùng.

2.2.4. Thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

2.2.4.1. Thủ tục nhập kho

Trước hết tại đơn vị (phân xưởng sản xuất, phòng ban) lập tờ trình mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Phòng vật tư trình lên giám đốc kí duyệt. Khi được giám đốc kí duyệt thì phòng vật tư xin phiếu báo giá ở một số bạn hàng (người bán) và trình lên giám đốc duyệt giá. Sau khi giám đốc duyệt mức giá phù hợp, phòng vật tư sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm về việc kí hợp đồng mua bán

Người đi nhận hàng mang HDGTGT của bên bán vật tư về công ty để xem xét kiểm tra

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ sau khi mua về được tiến hành kiểm nghiệm chất lượng và lập biên bản kiểm nghiệm với mục đích xác định số lượng, chất lượng trước khi nhập kho làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản. Biên bản kiểm nghiệm nguyên vật liệu được lập thành 2 bản giao cho phòng vật tư và phòng kế toán giữ. Nếu nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ không đúng yêu cầu thì lập thêm 1 liên kèm theo chứng từ có liên quan gửi đến nơi bán để giải quyết.

Sau khi tiến hành kiểm nghiệm vật tư, thủ kho xem xét cụ thể số lượng, chủng loại, chất lượng của vật tư ghi trên hoá đơn với số lượng mang về, đối chiếu giữa hoá đơn và biên bản kiểm nghiệm. Nếu trùng khớp thì phòng vật tư lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên :

- + Một liên : Lưu tại phòng vật tư
- + Một liên : Chuyển sang phòng kế toán tài chính
- + Một liên : Giao cho thủ kho

Khi nhập kho thủ kho phải ký vào phiếu nhập để vào thẻ kho. Trên phiếu nhập kho thể hiện cả 2 chỉ tiêu số lượng và giá trị nhưng khi vào thẻ kho thủ kho chỉ ghi chỉ tiêu số lượng.

Trình tự nhập kho NVL, CCDC tại công ty Thiên Nam như sau :

Khi mua NVL, CCDC nhận được theo hoá đơn GTGT số 0067871, số 0071281

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0067871

Biểu số 2.2 : Hóa đơn GTGT số 0071281

Hàng về đến kho của công ty tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư:

Biểu số 2.3 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư (của nguyên vật liệu)

Biểu số 2.4 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư (của công cụ dụng cụ)

Căn cứ vào HĐGTGT và biên bản kiểm nghiệm vật tư. Phòng vật tư tiến hành lập phiếu nhập kho:

Biểu số 2.5 : Phiếu nhập kho số 08/12

Biểu số 2.6 : Phiếu nhập kho số 15/12

Biểu số 2.1 : Hóa đơn GTGT số 0067871

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Kí hiệu: AA/11P															
Liên 2: Giao cho khách hàng			Số: 0067871															
Ngày 07 tháng 12 năm 2011																		
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Việt Anh																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>6</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	1	0	0	6	6	1	0	0	2			
0	1	0	0	6	6	1	0	0	2									
Địa chỉ: Đường Hoàng Mai- Hà Đông- Hà Nội																		
Số tài khoản: Tại:																		
Điện thoại:																		
Họ tên người mua hàng: Vũ Quốc Hùng																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH may Thiên Nam																		
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>9</td><td>3</td><td>6</td><td>0</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	5	9	3	6	0	7			
0	2	0	0	5	9	3	6	0	7									
Số tài khoản: 10109706349																		
Hình thức thanh toán:chưa thanh toán.....																		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
(A)	(B)	(C)	1	2	3													
1	Vải PC	m	15.000	20.000	300.000.000													
2	Vải 2739	m	11.000	25.000	275.000.000													
Cộng tiền hàng					575.000.000													
Thuế GTGT : 10%				Tiền thuế GTGT	57.500.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					632.500.000													
Số tiền viết bằng chữ: Sáu trăm ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn./																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
Vũ Quốc Hùng		Phạm Văn Hùng		Vũ Thị Lan														

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.3: Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Đơn vị : Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số 03 – VT

Bộ phận : Phòng Kế hoạch

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Số 119/KHKT

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0067871 của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Việt Anh
- Ban kiểm nghiệm gồm có :
 - Ông, bà : Lê Hồng Nguyên - Trưởng ban.
 - Ông, bà : Lê Minh Mẫn - Ủy viên.
- Đã kiểm nghiệm vật tư sau :

STT	Tên hàng hoá, ký mã vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	Vải PC	m	15.000	15.000	0	
2	Vải 2739	m	11.000	11.000	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Trưởng ban
(Ký, họ tên)

Cán bộ mua vật tư
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.4 : Biên bản kiểm nghiệm vật tư

Đơn vị : Công ty TNHH may Thiên Nam

Mẫu số 03 – VT

Bộ phận : Phòng KHVT

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Số 219/KHKT

- Căn cứ vào hóa đơn bán hàng số 0071281 của Công ty TNHH Minh Tâm
- Ban kiểm nghiệm gồm có :
 - Ông, bà : Lê Hồng Nguyên - Trưởng ban.
 - Ông, bà : Lê Minh Mẫn - Ủy viên.
- Đã kiểm nghiệm vật tư sau :

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Số lượng vật tư đúng quy cách phẩm chất	Số lượng vật tư không đúng quy cách phẩm chất	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4
1	Dao thìa 1/2” – 12mm	ch	120	120	0	
2	Dao thìa 3/4” – 19mm	ch	84	84	0	
3	Dao thìa 3/8” – 10mm	ch	240	240	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm : Đã đạt tiêu chuẩn nhập kho

Cán bộ kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Cán bộ mua vật tư

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.5 : Phiếu nhập kho số 08/12

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Mẫu số 02

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số : 08/12

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Nợ TK: 1521

Có TK: 1111

Họ và tên người giao hàng : Phạm Văn Hùng

Hóa đơn: số 0067871

Lý do nhập hàng : Nhập vật liệu chính may áo

Nhập vào kho : Công ty TNHH may Thiên Nam

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
1	Vải PC	m	15.000	15.000	20.000	300.000.000
2	Vải 2739	m	11.000	11.000	25.000	275.000.000
	Cộng					575.000.000

Số tiền bằng chữ: *Năm trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn./*

Ngày 07 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.6: Phiếu nhập kho số 15/12

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Mẫu số 02

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số : 15/12

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Nợ TK: 1531

Có TK: 1111

Họ và tên người giao hàng : Nguyễn Quang Hưng

Hóa đơn: số 0071287

Lý do nhập hàng : Nhập công cụ dụng cụ

Nhập vào kho : Công ty TNHH may Thiên Nam

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Trên hóa đơn	Thực nhập		
1	Dao thừa 1/2" – 12mm	ch	120	120	5.000	600.000
2	Dao thừa 3/4" – 19mm	ch	84	84	5.000	420.000
3	Dao thừa 3/8" – 10mm	ch	240	240	5.000	1.200.000
	Cộng		444	444		2.220.000

Số tiền bằng chữ: Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người giao hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

2.2.4.2. Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam được xuất kho chủ yếu nhằm mục đích sản xuất. Căn cứ để tiến hành thủ tục xuất kho là hạn mức tiêu hao vật liệu của từng lô hàng ở từng phân xưởng. Hạn mức này do phòng kế hoạch tính, sau đó được chuyển sang các phân xưởng. Căn cứ vào đó mà kế toán viết phiếu xuất kho, số lần xuất không hạn chế, nhưng số lượng xuất không vượt quá hạn mức quy định.

Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Một liên : Lưu tại phân xưởng
- + Một liên : Giao cho thủ kho
- + Một liên : Giao cho phòng kế toán tài chính

Công ty áp dụng hình thức xuất kho NVL,CCDC theo phương pháp bình quân liên hoàn(sau mỗi lần nhập)

$$\text{Trị giá thực tế của NVL,CCDC xuất kho} = \text{Số lượng thực tế xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng NVL, CCDC sau mỗi lần nhập}}$$

***Đối với công cụ dụng cụ xuất kho ở công ty xảy ra 2 trường hợp:**

- Phân bổ 1 lần: Theo phương pháp này khi xuất dùng CCDC, kế toán phân bổ giá trị của nó vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ xuất dùng. Phương pháp này chỉ nên áp dụng trong trường hợp giá trị CCDC nhỏ hoặc thời gian sử dụng ngắn.

- Phân bổ nhiều lần: Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị CCDC và thời gian sử dụng hoặc số lần dự kiến để tính ra mức phân bổ cho một kỳ hoặc một lần sử dụng. Căn cứ vào mức phân bổ này, định kỳ kế toán phân bổ giá trị của CCDC vào chi phí sản xuất kinh doanh.

$$\text{Mức phân bổ CCDC trong 1 kì hoặc 1 lần} = \frac{\text{Giá trị của CCDC xuất dùng}}{\text{Số kì hoặc số lần sử dụng}}$$

VD: Công ty mua bàn là nhiệt với giá 8.700.000 đ phân bổ trong 12 tháng thì Mức phân bổ bàn là nhiệt trong 1 tháng = 8.700.000/12 = 725.000 đ/tháng

Trình tự xuất kho NVL, CCDC tại công ty TNHH may Thiên Nam như sau:

Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (Biểu số 2.7), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 16/12 (Biểu số 2.18)

Căn cứ vào phiếu yêu cầu vật tư (Biểu số 2.9), thủ kho ghi phiếu xuất kho số 11/12 (Biểu số 2.10)

Biểu số 2.7 : Phiếu yêu cầu vật tư

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu : Xưởng 1

Số phiếu : 1

Bộ phận nhận yêu cầu : Phòng Kế hoạch

Lần yêu cầu : 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	SL	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Vải PC	mét	18.000	May áo sơ mi K47/26	09/12/2011
2	Vải 2739	mét	12.000	May áo sơ mi K47/26	09/12/2011
3	Cúc áo size 18L	chiếc	75.000	May áo sơ mi K47/26	09/12/2011

Ngày 09/12/2011

Xác nhận phiếu yêu cầu

Người yêu cầu

Phê duyệt

*Cách tính vật liệu vải PC và vải 2739 khi xuất kho như sau:

Tên vật liệu	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ	
	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá
Vải PC	4600	20000	15000	20000	18000	-
Vải 2739	1500	24800	11000	25000	12000	-

$$\text{Đơn giá bình quân vải PC xuất dùng} = \frac{4.600 \times 20.000 + 15.000 \times 20.000}{4.600 + 15.000} = 20.000$$

$$\text{Đơn giá bình quân vải 2739 xuất dùng} = \frac{1.500 \times 24.800 + 11.000 \times 25.000}{1.500 + 11.000} = 24.976$$

$$\text{Trị giá vải PC xuất dùng} = 18.000 \times 20.000 = 360.000.000$$

$$\text{Trị giá vải 2739 xuất dùng} = 12.000 \times 24.976 = 299.712.000$$

Biểu số 2.8: Phiếu xuất kho số 16/12

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM			Mẫu số 02			
Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng			Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC			
-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng			Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC			
			Số: 16/12			
PHIẾU XUẤT KHO						
Ngày 09 tháng 12 năm 2011						
Nợ TK: 621						
Có TK : 1521						
Họ và tên người nhận hàng: Xưởng 1						
Lý do xuất kho : May áo sơ mi K47/26						
Xuất tại kho: Kho 1						
STT	Tên hàng	ĐV Tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Vải PC	mét	18.000	18.000	20.000	360.000.000
2	Vải 2739	mét	12.000	12.000	24.976	299.712.000
3	Cúc áo size 18L	chiếc	75.000	75.000	338	25.350.000
Cộng						685.062.000
Số tiền bằng chữ: <i>Sáu trăm tám mươi năm triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn./</i>						
Ngày 09 tháng 12 năm 2011						
Người lập phiếu		Người giao hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng
<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>		<i>(Ký, họ tên)</i>

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.9 : Phiếu yêu cầu vật tư

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

PHIẾU YÊU CẦU VẬT TƯ

Bộ phận yêu cầu : Xưởng 1

Số phiếu : 1

Bộ phận nhận yêu cầu : Phòng kế hoạch

Lần yêu cầu : 1

STT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	SL	Mục đích sử dụng	Ngày yêu cầu
1	Dao thừa 1/2" - 12mm	chiếc	140	SX theo đơn đặt hàng	11/12/2011
2	Dao thừa 3/4" - 19mm	chiếc	84	SX theo đơn đặt hàng	11/12/2011
3	Dao thừa 3/8" - 10mm	chiếc	196	SX theo đơn đặt hàng	11/12/2011

Ngày 12/12/2011

Ngày 11/12/2011

Ngày 12/12/2011

Xác nhận phiếu yêu cầu

Người yêu cầu

Phê duyệt

Cách tính dụng cụ dao thừa các loại khi xuất kho như sau:

Tên dụng cụ	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Xuất trong kỳ	
	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá	Số lượng	Đơn giá
Dao thừa 1/2"	26	4.500	120	5.000	140	-
Dao thừa 3/4"	10	4.500	84	5.000	84	-
Dao thừa 3/8"	0	4.500	240	5.000	196	-

$$\text{Đơn giá bình quân dao thừa 1/2" xuất dùng} = \frac{26 \times 4.500 + 120 \times 5.000}{26 + 120} = 4.911$$

$$\text{Đơn giá bình quân dao thừa 3/4" xuất dùng} = \frac{10 \times 4.500 + 84 \times 5.000}{10 + 84} = 4.947$$

$$\text{Đơn giá bình quân dao thừa 3/8" xuất dùng} = \frac{0 + 196 \times 5.000}{196} = 5.000$$

$$\text{Trị giá dao thừa 1/2" xuất dùng} = 4.911 \times 140 = 687.540$$

$$\text{Trị giá dao thừa 3/4" xuất dùng} = 4.947 \times 84 = 415.548$$

$$\text{Trị giá dao thừa 3/8" xuất dùng} = 5.000 \times 196 = 980.000$$

Biểu số 2.10 : Phiếu xuất kho số 11/12

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Mẫu số 02

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ban hành theo QĐ số : 15/2006/ QĐ – BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC

Số: 19/12

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Nợ TK: 142

Có TK : 1531

Họ và tên người nhận hàng: Xưởng 1

Lý do xuất kho : Sản xuất theo đơn đặt hàng

Xuất tại kho: Kho 1

ST T	Tên hàng	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Dao thừa 1/2" - 12mm	chiếc	140	140	4.911	687.540
2	Dao thừa 3/4" - 19mm	chiếc	84	84	4.947	415.548
3	Dao thừa 3/8" - 10mm	chiếc	196	196	5.000	980.000
Cộng						2.083.088

Số tiền bằng chữ: Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn không trăm tám mươi tám đồng./

Ngày 12 tháng 12 năm 2011

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người giao hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

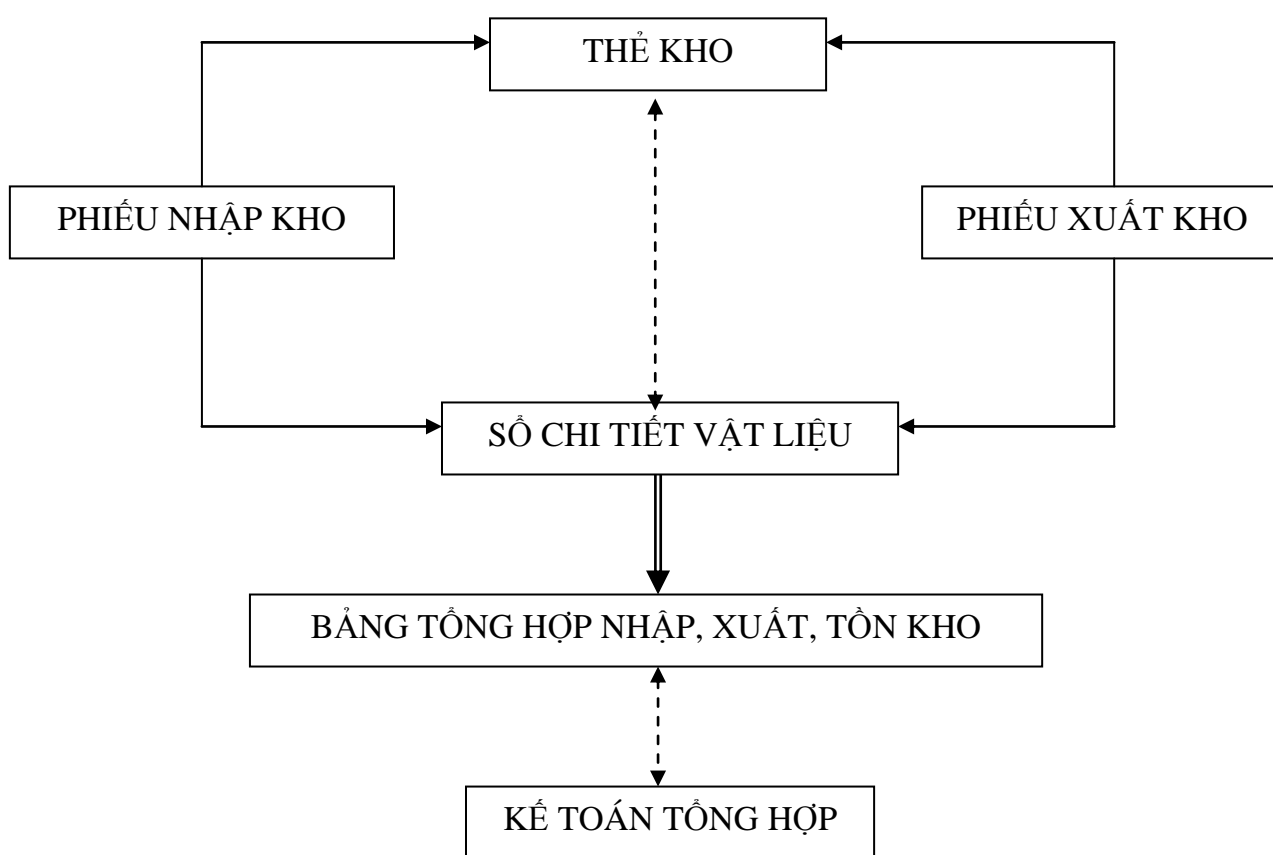
2.2.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam

Nguyên vật liệu là một trong những yếu tố cơ bản trong quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào trong quá trình sản xuất sản phẩm, chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, nên việc sử dụng nguyên vật liệu đúng mục đích và đúng kế hoạch có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hạ thấp giá thành sản phẩm và thực hiện kế hoạch sản xuất.

Hạch toán chi tiết NVL, CCDC là bộ phận quan trọng trong công tác tổ chức kế toán. Đặc điểm cơ bản trong hạch toán NVL, CCDC tại Công ty TNHH may Thiên Nam đó là công tác nhập xuất NVL, CCDC trong tháng rất lớn.

Hiện nay, hạch toán chi tiết ở công ty là phương pháp thẻ song song để quản lý tình hình biến động NVL, CCDC.

Sơ đồ 2.4: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- <-.-.-.-> Quan hệ đối chiếu

➤ Tại kho :

Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép hàng ngày các nghiệp vụ nhập, xuất tồn trên cơ sở chứng từ xuất về chỉ tiêu khối lượng NVL, CCDC thẻ kho được mở cho từng thứ vật tư, mỗi chứng từ nhập, chứng từ xuất vật tư được ghi một dòng trên thẻ kho, cuối ngày, cuối tuần, cuối tháng (theo định kỳ) thủ kho tính ra số lượng tồn của từng thứ vật tư trên từng thẻ kho để đối chiếu với cột số lượng trên sổ kế toán

$$\text{Số tồn cuối tháng} = \text{Số tồn đầu tháng} - \text{Số nhập trong tháng} - \text{Số xuất trong tháng}$$

➤ Tại phòng kế toán

Khác với thủ kho, kế toán phải theo dõi cả chỉ tiêu số lượng, chỉ tiêu giá trị sau khi xem xét và xác nhận vào thẻ kho, kế toán phải nhận phiếu nhập, xuất kho từ thủ kho, mỗi trang sổ chi tiết được dùng cho một loại NVL, CCDC ghi cho cả số lượng và giá trị, đồng thời định khoản luôn tài khoản đối ứng, mỗi nghiệp vụ nhập, xuất được ghi một dòng trên sổ chi tiết NVL, CCDC số dư cuối kì trước là số dư đầu kì này.

Sau đó từ số liệu trên sổ chi tiết tài khoản, kế toán lập báo cáo nhập - xuất - tồn NVL, CCDC để phản ánh tình hình tổng hợp số liệu vật tư của công ty. Cụ thể như sau:

- Căn cứ vào PN 08/12, PX 16/12 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.13*)
- Căn cứ vào PN 08/12, PX 16/12 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết vật liệu vãi PC (*Biểu 2.14*)
- Căn cứ vào PN 15/12, PX 11/12 thủ kho ghi thẻ kho (*Biểu 2.15*)
- Căn cứ vào PN 15/12, PX 11/12 kế toán vật liệu ghi sổ chi tiết dụng cụ dao thìa(*Biểu 2.16*)
- ☞ Cuối tháng, từ sổ chi tiết vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn (*Biểu 2.17*), (*Biểu 2.18*)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Tờ số: 57

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Vải PC

Đơn vị tính: mét

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				4.600	
			Số phát sinh tháng 12					
							
07/12	PN 07/12		Nhập kho vật liệu	07/12	15.000		19.600	
09/12		PX 16/12	Xuất kho vật liệu	09/12		18.000	1.600	
22/12	PN23/12		Nhập kho vật liệu	22/12	10.5000		12.100	
28/12		PX 27/12	Xuất kho vật liệu	28/12		11.000	1.100	
							
			Cộng phát sinh tháng 12		48.500	40.000		
			Số dư cuối kỳ				13.100	

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.11: Thẻ kho vật liệu vải PC
(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM
Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng
BTC

Mẫu số S10-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Năm 2011

Tài khoản : 152

Tên quy cách NVL, CCDC: Vải PC

Đơn vị tính : mét

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		20.000					4.600	92.000.000
		Phát sinh T12								
									
PN08/12	07/12	Mua vật liệu chưa thanh toán	331	20.000	15.000	300.000.000			19.600	392.000.000
PX 16/12	09/12	Xuất vật liệu cho sx	6211	20.000			18.000	360.000.000	1.600	32.000.000
PN23/12	22/12	Mua vật liệu thanh toán bằng tiền mặt	111	20.000	10.500	210.000.000			12.100	242.000.000
PX 27/12	28/12	Xuất vật liệu cho sx	6211	20.000			11.000	220.000.000	1.100	22.000.000
									
		Cộng phát sinh T12		×	48.500	970.000.000	40.000	800.000.000	×	×
		Tồn cuối tháng							13.100	262.000.000

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.12: Sổ chi tiết vải PC

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

Mẫu S12 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

THẺ KHO (SỔ KHO)

Ngày lập thẻ: 31/12/2011

Tờ số: 65

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật liệu, dụng cụ: Dao thừa 1/2"-12mm

Đơn vị tính: Chiếc

Mã số:

Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
			Tồn đầu tháng				26	
			Số phát sinh tháng 12					
							
12/12	PN 15/12		Nhập kho dụng cụ	12/12	120		146	
12/12		PX 19/12	Xuất kho dụng cụ	12/12		140	6	
14/12	PN 15/12		Nhập kho dụng cụ	14/12	88		94	
15/12		PX 29/12	Xuất kho dụng cụ	15/12		60	34	
							
			Cộng phát sinh tháng 12		344	360		
			Số dư cuối kỳ				10	

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Thẻ kho dụng cụ dao thừa 1/2"-12mm
(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM
 Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng
 -Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

Mẫu số S10-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM , HÀNG HÓA)

Năm 2011

Tài khoản : 153

Tên quy cách NVL, CCDC: Dao thừa 1/2"-12mm

Đơn vị tính : chiếc

Chứng từ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	ĐƠN GIÁ	NHẬP		XUẤT		TÒN	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu tháng		4.500					26	117.000
		Phát sinh T12								
									
PN 15/12	12/12	Mua dụng cụ chưa thanh toán	331	5.000	120	600.000			146	717.000
PX 19/12	12/12	Xuất dụng cụ cho sx	142	4.911			140	687.540	6	29.460
PN 18/12	14/12	Mua dụng cụ chưa thanh toán	331	5.000	88	440.000			94	469.460
PX 12/12	15/12	Xuất dụng cụ cho sx	142	4.994			60	299.640	34	169.820
									
		Cộng phát sinh T12		×	344	1.720.000	360	1.787.020	×	×
		Tồn cuối tháng							10	49.980

Ngày 15 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.14: Sổ chi tiết dao thừa 1/2"-12mm

(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2011

S T T	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Vải PC	m	4.600	92.000.000	48.500	970.000.000	40.000	800.000.000	13.100	262.000.000
2	Vải 2739	m	1.500	37.200.000	35.200	880.000.000	35.500	887.393.500	1.200	29.806.500
3	Cúc áo size 18L	ch	-	-	75.000	25.350.000	45.000	25.350.000	30	10.140.000
4	Cổ cổ	ch	-	-	18.000	4.500.000	18.000	4.500.000	-	-
5	Mác size chevalier	ch	12.000	1.260.000	32.000	3.360.000	40.000	4.200.000	4.000	420.000
6	Nơ cổ nhựa	ch	-	-	10.000	1.771.800	10.000	1.771.800	-	-
7	Mác Slimfit	ch	-	-	5.000	1.100.000	5.000	1.100.000	-	-

	Cộng		x	208.094.350	x	2.074.636.178	x	1.908.862.703	x	373.867.825

Ngày 21 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.15: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) tháng 12 năm 2011
(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 153

Tháng 12 năm 2011

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
1	Dao thừa 1/2"-12mm	m	26	117.000	344	1.720.000	360	1.787.020	10	49.980
2	Dao thừa 3/4"-19mm	m	10	45.000	280	1.400.000	215	1.071.293	75	373.707
3	Dao thừa 13/8"-10mm	m	-	-	560	2.800.000	520	2.600.000	40	200.000
4	Kéo gấp chỉ TWE 7	ch	4	24.000	-	-	-	-	4	24
5	Kéo bám chỉ đen TC 805B	ch	80	640.000	-	-	-	-	80	640
6	Vòng bi trục lô sậy	vòng	-	-	3	7.400.000	3	7.400.000		
8	Suốt 1 kim nhôm phẳng xẻ rãnh	ch	70	140.000	130	260	180	360	20	40
9	Suốt thừa JUKI LBH-781	ch	20	60.000	130	390	150	450	-	-

	Cộng		x	5.423.530	x	13.412.400	x	14.025.600	x	4.810.330

Ngày 21 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu 2.16: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa) tháng 12 năm 2011
(Nguồn số liệu trích Phòng kế toán công ty)

2.2.6. Hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ là việc phản ánh một cách tổng quát tình hình nhập, xuất nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thông qua các tài khoản kế toán. Để phục vụ cho công tác hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, Công ty TNHH may Thiên Nam sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Theo phương pháp này, tình hình biến động nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty được ghi chép, phản ánh một cách thường xuyên liên tục. Vì vậy, giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ của công ty trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ hạch toán.

2.2.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng :

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho

2.2.6.2. Tài khoản kế toán sử dụng :

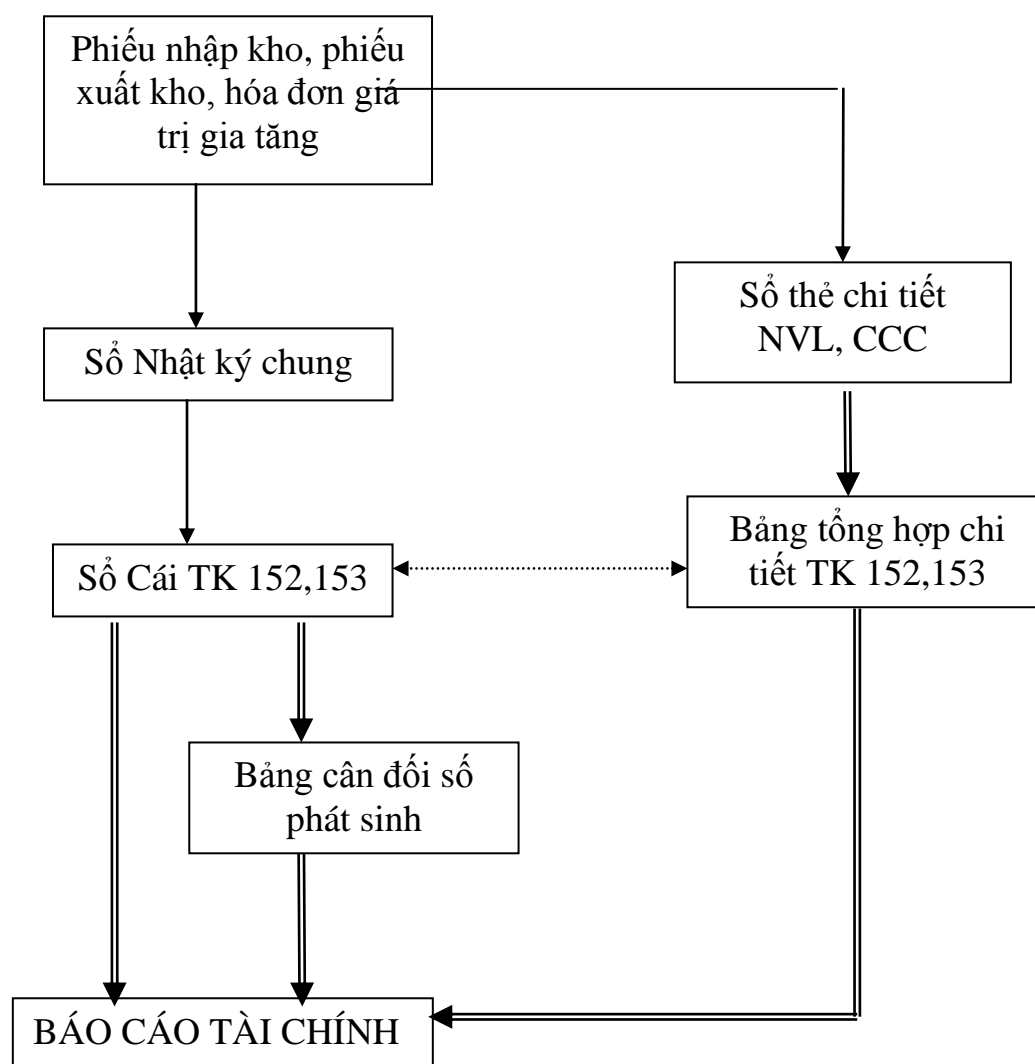
- TK 152 - Nguyên liệu, vật liệu.
- TK 153 - Công cụ dụng cụ
- TK liên quan: TK 111, TK 331, TK 133, TK 621

2.2.6.3. Quy trình hạch toán (Sơ đồ 2.4)

Ở phòng kế toán, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra : Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Hoá đơn GTGT, kế toán ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào Sổ nhật ký chung và sổ chi tiết NVL, CCDC sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK152, TK153. Cuối tháng hoặc cuối quý kế toán kiểm tra, đối chiếu số liệu trên Sổ cái TK152 với Bảng tổng hợp chi tiết TK152, trên sổ cái TK153 với Bảng tổng hợp TK153 xem có khớp đúng không.

Cuối quý, cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.4. Quy trình hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi cuối tháng, cuối quý
- ←-----> Quan hệ đối chiếu

Cụ thể quy trình hạch toán tổng hợp NVL, CCDC tại công ty.

Hàng ngày căn cứ từ PN, PX kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.17). Từ Sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép nghiệp vụ vào Sổ cái TK152(Biểu số 2.18), Sổ cái TK153(Biểu số 2.19)

Biểu số 2.17: Trích Sổ nhật ký chung tháng 12 năm 2011

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ngày 15/03/2006 của Bộ trưởng BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2011

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK		Số phát sinh	
SH	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
		Tháng 12/2011					
...
HDGTGT 0067871	07/12	Mua NVL vải PC và vải 2739 nhập kho	✓	1521		575.000.000	
PN08/12				133		57.500.000	
					331		632.500.000
PX16/12	09/12	Xuất vật liệu sản xuất áo sơ mi	✓	621		685.062.000	
...		1521		685.062.000
HDGTGT 0071281	12/12	Mua dao thùa các loại nhập kho	✓	1531		2.220.000	
PN15/12				133		222.000	
					331		2.442.000
PX19/12	12/12	Xuất dụng cụ dao thùa phân bổ dần	✓	142		2.083.088	
...		1531		2.083.088
HDGTGT 0064520	13/12	Mua móc size chevalier		1522		3.360.000	
PN16/12				133		336.000	
					111		3.696.000
PX21/12	14/12	Xuất kho móc áo cho sx		621		4.200.000	
...		1522		4.200.000
		Cộng lũy kế năm				57.456.902.733	57.456.902.733

Ngày 29 tháng 01 năm 2012

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.18: Trích Sổ cái TK 152

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ngày 15/03/2006 của Bộ trưởng BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản : Nguyên vật liệu

Số hiệu : 152

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Số dư đầu kì			208.094.350	
		Số phát sinh trong kì				
PN08/12	07/12	Mua NVL vải PC và vải 2739 NK		331	575.000.000	
PN09/12	07/12	Mua NVL Cúc áo size 18L NK		331	25.350.000	
PX16/12	09/12	Xuất vật liệu sản xuất áo sơ mi		621		685.062.000
...
PN16/12	11/12	Mua móc size chevalier NK		111	3.360.000	
PX21/12	13/12	XK móc size chevalier cho SX		621		4.200.000
...
PN24/12	21/12	Mua nơ cổ nhựa NK		111	1.771.800	
PX32/12	23/12	XK nơ cổ nhựa cho SX		621		1.771.800
...
PN26/12	24/12	Mua móc Slimfit NK		111	1.100.000	
PX36/12	24/12	XK móc Slimfit cho SX		621		1.100.000
...
		Cộng phát sinh trong kì			2.074.636.178	1.908.862.703
		Số dư cuối kì			373.867.825	

Ngày 29 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 153

CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Km3-Đ.Phạm Văn Đồng-P.Anh Dũng

Ngày 15/03/2006 của Bộ trưởng BTC

-Q.Dương Kinh-TP.Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2011

Tên tài khoản : Công cụ dụng cụ

Số hiệu : 153

Đơn vị tính : đồng

Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		Số dư đầu kì			5.423.530	
		Số phát sinh trong kì				
PN 15/12	12/12	NK dao thừa các loại		111	2.220.000	
PX 19/12	12/12	XK dao thừa cho SX		142		2.083.088
...
PN 18/12	17/12	NK suốt 1 kim nhôm phẳng xẻ rãnh		331	260.000	
PX 27/12	19/12	XK suốt 1 kim nhôm phẳng xẻ rãnh		142		360.000
...
PN 27/12	24/12	NK suốt thừa JUKI LBH-781		111	390.000	
PX 37/12	25/12	XK suốt thừa JUKI LBH-781		142		450.000
...
PX 39/12	28/12	XK dao thừa cho SX		142		250.000
...
		Cộng phát sinh trong kì			13.412.400	14.025.600
		Số dư cuối kì			4.810.330	

Ngày 29 tháng 01 năm 2012

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.7. Công tác kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty TNHH may Thiên Nam.

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước mỗi năm công ty TNHH may Thiên Nam tiến hành kiểm kê hàng tồn kho, và các tài sản khác một lần vào cuối năm.

Mục đích của việc kiểm kê vật liệu, công cụ dụng cụ là để xác định lại số lượng, giá trị và chất lượng của vật tư trong kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách với thực tế nhằm bảo vệ tài sản và chấn chỉnh công tác quản lý vật tư ở công ty. Trước mỗi lần kiểm kê, được sự thông báo của hội đồng kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho kiểm kê. Đồng thời, ở phòng kế toán, các sổ kế toán về vật tư đều được khoá sổ sau khi kế toán tính ra giá trị tồn kho của vật tư. Thông qua việc cân, đo, đong, đếm ... Hội đồng kiểm kê phát hiện kết quả kiểm kê trên Biên bản kiểm kê vật tư. Căn cứ vào biên bản kiểm kê này, giám đốc công ty cùng với hội đồng kiểm kê sẽ có những quyết định xử lý thích hợp như: quyết định đòi bồi thường nếu cá nhân làm mất hoặc hỏng... Căn cứ vào các biên bản xử lý kết quả kiểm kê kế toán tiến hành ghi sổ.

Nhìn chung công tác quản lý vật liệu, dụng cụ của công ty là tốt, không có trường hợp mất mát, hư hỏng.

Theo kết quả kiểm kê nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ngày 31/12/2011. Hội đồng kiểm kê lập Biên bản kiểm kê vật liệu (*Biểu 2.20*)

CHƯƠNG 3**MỘT SỐ BIỆN PHÁP HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH MAY THIÊN NAM****3.1. Định hướng phát triển của công ty trong thời gian tới**

- Đưa xưởng sản xuất bao bì đi vào hoạt động.
- Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo cơ hội việc làm cho cán bộ công nhân viên nâng cao thu nhập.
- Tìm kiếm thêm các hợp đồng kinh tế trong nước và quốc tế. Đưa thương hiệu của may Thiên nam phát triển hơn nữa.
- Nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý kinh tế - kỹ thuật, mở rộng đầu tư cơ sở hạ tầng, đáp ứng mặt bằng thiết bị phục vụ sản xuất.
- Công tác phát triển nhân sự điều chỉnh lại cho phù hợp với từng vị trí công tác thể hiện được tính chuyên môn hóa cao. Quy hoạch và đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề và có chính sách thù lao, khen thưởng hợp lý để khuyến khích công nhân viên phát huy hết khả năng của mình.
- Hội nhập các quan hệ kinh tế, khoa học kỹ thuật, khoa học công nghệ hợp tác.

3.2. Đánh giá chung công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam

Trải qua nhiều năm hình thành và phát triển, công ty không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, cơ sở vật chất kỹ thuật luôn được nâng cao, cũng như trình độ quản lý đang từng bước được cải thiện. Trong nền kinh tế thị trường như hiện nay công ty đã từng bước khẳng định tính độc lập, tự chủ trong kinh doanh, biết khai thác phát huy, sử dụng có hiệu quả nội lực tiềm năng sẵn có của mình. Vì vậy, công ty đã có một vị trí nhất định trong ngành may mặc trên cả nước như hiện nay. Từng bước tiến rõ rệt được thể hiện qua các mặt sau:

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên ngày càng cao

- Không ngừng tăng cường đầu tư vốn vào việc xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất ngày càng hoàn thiện hơn (như: máy móc thiết bị, tài sản cố định, các loại máy khâu, bàn là hơi,...)
- Hoàn chỉnh từng bước cho việc tổ chức sắp xếp lực lượng sản xuất với những mô hình thật sự có hiệu quả qua từng giai đoạn.
- Lựa chọn đội ngũ công nhân, cán bộ quản lý có đủ năng lực và trình độ để đáp ứng được mọi yêu cầu của việc sản xuất kinh doanh trong tình hình hiện nay.

3.2.1. Ưu điểm

Trong những năm gần đây ngành may mặc ở nước ta đã phản ánh rõ nét sự cạnh tranh ngày càng gay gắt về cả giá cả và phương thức dịch vụ. Nhưng doanh nghiệp vẫn khẳng định được chỗ đứng của mình trong lĩnh vực ngành may mặc là do sự định hướng, chỉ đạo đúng đắn của ban giám đốc. Trong quá trình phát triển Công ty không ngừng đổi mới hợp lý bộ máy quản lý, nâng cao tay nghề cán bộ công nhân viên, đầu tư máy móc thiết bị. Ban giám đốc cùng toàn thể công nhân viên cố gắng khắc phục những khó khăn, từng bước hoàn thiện công tác quản lý và công tác kế toán phù hợp với quá trình phát triển của ngành sản xuất may mặc trong nước nói chung và Công ty TNHH may Thiên Nam nói riêng. Công ty đã đạt được những ưu điểm cụ thể như sau:

* Về bộ máy kế toán nói chung :

Phòng tài chính kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả thực hiện đúng theo chế độ hiện hành. Kế toán viên bao gồm những người có trình độ, năng lực, trung thực và nhiệt tình được bố trí đúng người, đúng việc, đúng chuyên môn. Các kế toán viên được phân công nhiệm vụ cụ thể với từng phần hành cụ thể hợp lý và chịu trách nhiệm trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo cung cấp được những thông tin nhanh chóng, kịp thời và chính xác. Nhờ như vậy đã làm công tác kế toán của công ty thực sự trở thành công cụ đắc lực cho lãnh đạo trong việc quản lý.

* Về công tác quản lý thu mua nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ :

Nhận thấy tầm quan trọng của NVL, CCDC đối với quá trình sản xuất và kinh doanh nên Công ty rất chú trọng đến công tác bảo quản và cất trữ NVL, CCDC. Tại các kho của Công ty luôn có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác quản lý và bảo vệ NVL, CCDC.

Định mức vật tư được xây dựng có khoa học và áp dụng khá nghiêm ngặt. Về vấn đề thanh toán với nhà cung cấp vật tư đều được nhân viên kế toán theo dõi sát

xao trên hệ thống sổ chi tiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, thanh toán công nợ theo hợp đồng kinh tế.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ vào sự định hướng và sự chỉ đạo đúng đắn của tập thể ban lãnh đạo công ty kết hợp với sự phấn đấu bền bỉ của toàn thể cán bộ, công nhân kỹ sư trong toàn công ty. Trong đó có sự đóng góp không nhỏ của những người làm công tác tài chính kế toán ở công ty.

* Về chứng từ sổ sách kế toán áp dụng :

▪ Hệ thống chứng từ tài khoản : Công ty đã tổ chức tốt hệ thống chứng từ và vận dụng tài khoản kế toán tương đối đúng với chế độ kế toán và biểu mẫu do Bộ Tài chính ban hành. Các chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển thường xuyên, phù hợp với nghiệp vụ phát sinh. Hệ thống tài khoản của công ty sử dụng đã phản ánh đầy đủ mọi hoạt động kinh tế, việc sắp xếp phân loại các tài khoản trong hệ thống tài khoản của công ty tương đối phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

▪ Về sổ sách kế toán : Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ sách kế toán. Hình thức này có ưu điểm ghi chép đơn giản, rõ ràng, kết hợp các tài khoản tổng hợp và chi tiết trên cùng một sổ sách kế toán, tạo điều kiện thuận lợi trong việc lập báo cáo tài chính. Do đó hình thức này phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đầu phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Tất cả các chứng từ sử dụng hầu hết đúng theo mẫu của bộ tài chính mới ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006

* Về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:

▪ Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là phù hợp với đặc điểm sản xuất của công ty. Việc áp dụng phương pháp này cho phép phòng kế toán theo dõi và nắm bắt tình hình nhập- xuất - tồn kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ 1 cách thường xuyên và liên tục. Từ đó phục vụ tốt công tác kế toán và giúp lãnh đạo biết rõ tình hình sản xuất của công ty.

▪ Việc vận dụng phương pháp ghi thẻ song song đơn giản nhất và dễ làm, tính toán đơn giản và dễ kiểm tra, dễ đối chiếu. Kế toán căn cứ vào chứng từ để luân chuyển và ghi sổ chi tiết.

▪ Công ty sử dụng phương pháp tính giá thực tế đích danh, theo phương pháp này vật tư xuất thuộc lô nào theo giá nào thì được tính theo đơn giá đó, xác định được chính xác giá vật tư xuất làm cho chi phí hiện tại phù hợp với doanh thu hiện tại.

3.2.2. Hạn chế

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được trong công tác hạch toán NVL, CCDC công ty còn tồn tại một số hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn. Công ty TNHH may Thiên Nam là doanh nghiệp chuyên sản xuất trong lĩnh vực may mặc do đó vật liệu, dụng cụ phong phú về chủng loại, để có thể quản lý tốt nguồn NVL, CCDC này công ty nên xây dựng sổ điểm danh NVL, CCDC.

- Về ứng dụng phần mềm kế toán: Do khối lượng sổ sách nhiều lại làm kế toán Excel trên máy vi tính nên cuối kỳ hay mỗi kỳ kế toán, nhiệm vụ của kế toán tổng hợp là khá nhiều. Việc hạch toán kế toán trong đơn vị có khối lượng lớn nhưng vẫn được thực hiện thủ công, tuy có sử dụng máy vi tính nhưng công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán nên tốn nhiều thời gian, lãng phí nhân công, việc sử dụng máy vi tính chưa phát huy hết hiệu quả.

- Việc hạch toán NVL đôi khi còn mang tính thủ tục, rườm rà như việc mua NVL về xuất thẳng xuống bộ phận sản xuất, kế toán không hạch toán thẳng vào chi phí nguyên vật liệu trực tiếp mà tiến hành làm thủ tục nhập kho sau đó mới làm thủ tục xuất kho do đó phải mất nhiều công sức và thời gian cho công việc này.

- Việc xác định mức tiêu hao NVL tại công ty vẫn chưa cụ thể chi tiết cho từng loại NVL nên chưa phản ánh chính xác mức độ tiêu hao của từng loại NVL. Do đó kế hoạch cung cấp và sử dụng NVL vẫn còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự hoàn thiện.

- Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: hiện nay công ty chưa trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong kho đó công ty phải luôn dự trữ NVL trong kho để phục vụ cho quá trình sản xuất.

- Việc luân chuyển chứng từ giữa phòng kinh doanh, phòng kế toán và thủ kho diễn ra thường xuyên, tuy nhiên, giữa các bộ phận, phòng ban này đều không có biên bản giao nhận, dễ xảy ra tình trạng mất mát chứng từ. Khi xảy ra mất mát chứng từ lại không biết quy trách nhiệm cho ai để xử lý, làm cho cán bộ công nhân viên thiếu trách nhiệm, buông lỏng việc quản lý chứng từ.

3.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH may Thiên Nam

3.3.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Việc hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty đặc biệt chú ý đến các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc nhất quán : Nguyên tắc này yêu cầu kế toán đã chọn phương pháp nào để hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thì phải áp dụng phương pháp đó trong cả niên độ kế toán
- Nguyên tắc giá gốc : Quy định nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải được tính theo giá gốc.
- Nguyên tắc thận trọng : Nguyên tắc này đòi hỏi muốn hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cần cẩn trọng từng bước.

3.3.2. Yêu cầu hoàn thiện

Hoàn thiện kế toán trong công ty là việc hết sức quan trọng và cần thiết, để đảm bảo cho việc hoàn thiện mang tính khả thi, đáp ứng được các yêu cầu quản lý của công ty phải thực hiện được các yếu tố sau :

- Hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ phải đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc kế toán chung
- Phải đảm bảo tôn trọng cơ chế tài chính tuân thủ các chế độ chính sách, thể lệ kế toán ở Việt nam .
- Phải dựa trên cơ sở phù hợp với điều kiện và nhu cầu quản lý của công ty
- Phải đảm bảo hài hoà mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích trong công tác hạch toán kế toán.

3.3.3. Nội dung hoàn thiện

Bên cạnh những ưu điểm mà công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đã làm được, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu với lý luận và thực tiễn, em xin đề xuất 1 số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.

▪ **Ý kiến 1 : Áp dụng công nghệ thông tin vào tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu nói riêng**

Hoà nhập với sự phát triển của công nghệ khoa học kỹ thuật và xu hướng tiên bộ trên toàn thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là hoàn toàn cần thiết. Công ty TNHH may Thiên nên áp dụng phần mềm kế toán máy. Phần mềm kế toán có nhiều ưu việt:

- Thu thập, xử lý thông tin kế toán một cách nhanh chóng.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động kiểm soát các thông tin tài chính.
- Chọn lọc thông tin cung cấp cho người sử dụng tùy theo mục đích sử dụng.

- Việc xử lý, trình bày, cung cấp các chỉ tiêu kế toán về hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là liên tục, có căn cứ, đáp ứng yêu cầu sử dụng của các đối tượng khác nhau.

- Hơn nữa, việc sử dụng phần mềm kế toán có thể giúp giảm bớt nhân lực so với kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Đặc biệt với phần mềm kế toán, công tác quản lý vật tư, công cụ dụng cụ có thể ở những mức độ khác nhau từ đơn giản ở mức Tài khoản, nghĩa là chỉ theo dõi số dư và phát sinh ở các TK hàng tồn kho như 152, 153 đến mức độ chi tiết hơn về số lượng, đơn giá từng mặt hàng, theo dõi theo đích danh từng lần nhập xuất, thanh toán công nợ theo từng phiếu xuất hàng... quản lý danh mục vật tư, danh mục kho, chức năng tổng hợp và lập sổ và các báo cáo,....

Chính vì những ưu điểm của việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên lựa chọn một chương trình phần mềm kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của mình, bên cạnh đó, công ty cần tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo linh hoạt phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Sau đây em xin giới thiệu một số phần mềm kế toán khá phổ biến và uy tín trên thị trường và phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012



Phần mềm này khá phổ biến hiện nay. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ như: phân hệ in hóa đơn theo nghị định 51, phân hệ quỹ, phân hệ ngân hàng, phân hệ mua hàng, phân hệ bán hàng, phân hệ kho, phân hệ công cụ dụng cụ, phân hệ tiền lương, phân hệ giá thành, phân hệ thuế,... được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cho phép theo dõi, kiểm soát, quản lý, nắm bắt chi tiết, nhanh chóng số lượng nhập, xuất, tồn vật tư, CCDC tại mỗi thời điểm. Cho phép kiểm soát số lượng CCDC sử dụng theo từng phòng ban. Phần Nhật ký truy cập giúp quản lý được mọi thao tác của người dùng. Giá cả của phần mềm này cũng ko cao, theo thông tin từ trang web của MISA thì phiên bản này giá 9.450.000 VNĐ.



Công ty Cổ phần phần mềm Thăng Long đã chính thức phát hành phần mềm kế toán phiên bản APRO2012. Đây là bộ sản phẩm được phát triển từ phiên bản Phần mềm kế toán APRO 9.0. Với công nghệ mới Client/server, phiên bản APRO2012 đã tạo ra sự đột phá về tốc độ xử lý và tính ổn định của phần mềm; tiện lợi và dễ sử dụng cho các đối tượng người dùng.

Rất nhiều hệ thống dịch vụ tự động đã được cài đặt cho phiên bản APRO2012: Hệ thống sao lưu dữ liệu tự động, hệ thống lưu trữ và tìm kiếm khách hàng thông qua mã số thuế, hệ thống hỗ trợ định khoản chứng từ thông qua các chứng từ đã lưu trữ trong CSDL, hệ thống tra cứu tìm kiếm dữ liệu trên nhiều chỉ tiêu, hệ thống phát hiện chứng từ mới nhập và tự động tổng hợp lại dữ liệu.

Phần hệ quản lý vật tư, hàng hoá trong Phần mềm Kế toán Apro là một modul Hoàn chỉnh, có thể hoạt động độc lập như là một phần mềm quản lý Vật tư hay Quản lý kho, đồng thời là một phần rất quan trọng trong Kế toán kho hay kế toán bán hàng - sản phẩm.

Việc quản lý vật tư, hàng hoá tùy theo yêu cầu có thể ở những mức độ khác nhau. Đơn giản là ở mức Tài khoản, nghĩa là chỉ theo dõi số dư và phát sinh ở các TK hàng tồn kho như 152, 153, 156... Tuy nhiên đa số các DN đều muốn theo dõi hàng tồn kho ở mức độ chi tiết hơn về số lượng, đơn giá từng mặt hàng. Một số đơn vị còn muốn theo dõi theo đích danh từng lần nhập xuất, thanh toán công nợ theo từng phiếu xuất hàng...

Modun Quản lý vật tư, hàng hoá của Apro đáp ứng được tất cả các yêu cầu “khó tính” nhất của DN. Sau đây là những tính năng ưu việt mà Apro đã làm được trong việc Quản lý vật tư, hàng hoá.

- Quản lý danh mục vật tư: Danh mục vật tư, hàng hoá được sắp xếp theo dạng hình cây, dễ sắp xếp, phân lớp và có thể thêm, bớt, sửa, xoá dễ dàng. Các nhóm hàng có thể bổ sung ở bất kỳ cấp nào. Mã hàng có thể lên đến 20 ký tự. Số lượng mã hàng không hạn chế. Mỗi vật tư có thể theo dõi ở nhiều thuộc tính khác nhau tùy theo yêu cầu quản lý của DN. Ví dụ mỗi Vật tư có thể có 2 đơn vị tính và có hệ số qui đổi giữa 2 đơn vị này.
- Danh mục kho: Mỗi kho hàng được gắn với một TK kho, nếu là vật tư, TK kho là 152, nếu là hàng hoá, TK kho là 156... Vì vậy khi nhập, xuất hàng ở kho nào, Apro sẽ tự động định khoản vào TK kho của kho đó, giúp cho thao tác nhập liệu được nhanh mà lại chính xác, không nhầm lẫn. Ngoài ra mỗi kho được gắn với một Phương pháp tính đơn giá hàng tồn kho mặc định. Vì vậy khi xuất hàng, nếu không chọn lại PP tính đơn giá vốn thì Apro sẽ mặc định lấy PP tính đơn giá vốn theo kho hàng xuất.
- Nhập hàng Tồn kho đầu kỳ: Mỗi kho hàng có thể có lượng hàng tồn đầu kỳ. Khi bắt đầu sử dụng Apro, hàng tồn này sẽ được nhập trực tiếp vào CSDL của Apro, hàng tồn đầu năm của những năm tiếp theo sẽ được Apro tự động chuyển từ tồn cuối năm trước sang. Trong phần nhập tồn kho đầu kỳ có chức năng cập nhật lại số dư các TK kho đầu kỳ tương ứng với các kho có hàng đầu kỳ.
- Phiếu nhập kho: Apro có các loại phiếu nhập kho khác nhau như: Nhập hàng nội địa, Nhập hàng nhập khẩu, Nhập hàng trả lại, nhập xuất thẳng... Các loại phiếu

này có những phần giống nhau như TK có, khách hàng, SL, ĐG, TT, Chi phí. Ngoài ra Phiếu nhập khẩu có thêm Thuế nhập khẩu và phân bổ thuế nhập khẩu vào giá vốn, Phiếu nhập lại có thêm phần chọn giá bán của phiếu xuất bán tương ứng với hàng nhập lại....

- Phiếu xuất kho: Có 2 nhóm chính: Xuất bán và xuất nội bộ (xuất sử dụng, xuất cho sx, xuất điều chuyển, xuất huỷ...). Phiếu xuất bán vừa là phiếu xuất kho nhưng cũng có thể kiêm hoá đơn bán hàng. Ở phiếu này có cả giá vốn, giá bán. Phần giá vốn được sử dụng cho bút toán giá vốn của phiếu xuất, đồng thời dùng cho việc cân đối nhập xuất tồn vật tư, hàng hoá vào cuối tháng. PP tính giá vốn thường được mặc định theo kho. Tuy nhiên trên mỗi phiếu xuất kho đều có chức năng chọn lại PP tính đơn giá vốn hàng xuất và có thể chọn lại PP tính giá vốn cho từng mặt hàng trong từng PX. Giá bán dùng để lập bút toán doanh thu, công nợ của hoá đơn bán hàng. Phiếu xuất nội bộ chỉ dùng trong nội bộ DN như xuất vật tư cho SX, xuất cho sử dụng... và chỉ quan tâm đến giá vốn của vật tư, hàng hoá.

- Chức năng tổng hợp và lập sổ và các báo cáo: Cuối tháng (hoặc bất kỳ lúc nào) người dùng có thể chạy chức năng “Cân đối vật tư” và “Cập nhật đơn giá vốn phiếu xuất” để sau đó xem các sổ và các báo cáo tổng hợp của vật tư, hàng hoá. Apro có rất nhiều loại sổ và báo cáo nhưng có thể phân thành 2 nhóm chính:

Nhóm thứ nhất là các sổ, báo cáo có chức năng quản trị ngược, tức là sổ, báo cáo tổng hợp có thể truy xuất ngược lên các sổ chi tiết và đến tận chứng từ gốc. Nhóm này gồm : Thẻ kho, Báo cáo Tồn kho, Báo cáo Nhập Xuất Tồn, Sổ chi tiết vật tư, sổ chi tiết bán hàng. Với tính chất quản trị ngược việc kiểm tra được số liệu trên sổ, báo cáo trở nên rất dễ dàng vì có thể truy xuất ngược lên tận chứng từ gốc.

Nhóm thứ 2 là các sổ, báo cáo tổng hợp, xuất thẳng ra report. Nhóm này gồm: các báo cáo nhập xuất, báo cáo mua hàng, báo cáo bán hàng. Tất cả các sổ, báo cáo đều có thể xuất ra file EXCEL theo đúng định dạng font chữ của nó.

Phần mềm này rất phù hợp để quản lý vật tư, công cụ dụng tại công ty, với mức giá phải chăng từ 6 đến 8 triệu đồng.



Asia Standard là phần mềm kế toán quản trị chỉnh sửa theo yêu cầu quản lý đặc thù của doanh nghiệp. Asia Standard được phát triển và hoàn thiện liên tục từ năm 2001. Asia Standard sử dụng công nghệ Fox, ngôn ngữ lập trình: Visual Foxpro 8.0, kiến trúc: File server. Các đặc điểm tiêu biểu của Asia Standard là cung cấp hàng loạt các tiện ích khác nhằm hỗ trợ người sử dụng trong quá trình sử dụng chương trình. Trong đó có tiện ích cho xem phiếu nhập khi đang vào phiếu xuất/hóa đơn để tra cứu giúp thuận tiện rất nhiều trong công tác quản lý, tính giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập kho và xuất kho. Trong Asia Standard, hàng tồn kho được quản lý một cách linh hoạt. Cho phép thiết lập cây vật tư nhiều cấp, khai báo danh mục vật tư không giới hạn. Asia Standard hỗ trợ nhiều phương pháp tính giá hàng tồn kho: Trung bình tháng, bình quân di động, nhập trước xuất trước, thực tế đích danh. Ngoài ra, Asia Standard còn quản lý hàng tồn kho theo lô, người sử dụng nhập hàng hóa vật tư vào kho theo từng lô và cho phép xuất ra theo từng lô; chương trình cho phép xem tồn kho của từng lô ngày trên các màn hình xuất vật tư.

- Phần mềm kế toán fast



Fast Accounting có nhiều tính năng mạnh mẽ và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả. Phần mềm kế toán Fast Accounting cập nhật các sửa đổi bổ sung theo các quy định mới nhất của Bộ tài chính, hỗ trợ kết xuất dữ liệu báo cáo thuế GTGT, thuế TNDN, báo cáo tài chính sang phần mềm hỗ trợ kê khai thuế HTTK của Tổng Cục thuế để in theo mã vạch. Phần mềm kế toán Fast Accounting cho phép nhiều lựa chọn khác nhau nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của từng doanh nghiệp: lựa chọn hình thức ghi chép sổ sách kế toán, lựa chọn phương pháp kiểm kê hàng tồn kho (theo kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ), lựa chọn cách tính giá hàng tồn kho và tính tỷ giá ghi sổ (giá trung bình tháng, giá trung bình di động, giá đích danh, giá nhập trước xuất trước, giá giao dịch), có các trường thông tin tự do để người dùng tự định nghĩa sử dụng để quản lý theo các yêu cầu đặc thù... Phần mềm kế toán Fast Accounting cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng và công việc (đọc/sửa/xóa/tạo mới) trong chương trình cho từng người sử dụng. Chương trình có khả năng khóa số chi tiết đến từng loại chứng từ, theo dõi nhật ký người sử dụng.

Tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng tài chính của công ty mà ban giám đốc nên quyết định xem mua phần mềm kế toán nào để hỗ trợ cho công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

▪ **Ý kiến 2: Hoàn thiện việc lập danh điểm vật tư**

Hiện nay, nguyên vật liệu chính của công ty rất đa dạng và phong phú nên việc kiểm tra, đối chiếu, hạch toán cũng như tính giá vật liệu gặp nhiều khó khăn. Khi đã áp dụng phần mềm kế toán máy thì việc quản lý vật tư sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. Vì vậy, để thuận tiện hơn cho việc theo dõi, quản lý, kiểm tra từng loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện cho việc áp dụng phần mềm kế toán, theo em công ty nên xây dựng hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty. Sổ danh điểm vật liệu là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu được theo dõi cho từng loại, từng nhóm, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ giúp công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng là phải xây dựng được bộ mã nguyên vật liệu, chính xác, đầy đủ không trùng lặp thuận tiện và hợp lý. Công ty có thể xây dựng bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào các loại nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu được xây dựng trên cơ sở số liệu các tài khoản cấp 2 đối với nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chính:1521

Nguyên vật liệu phụ:1522

Phế liệu:1523

- Trong mỗi loại NVL phân thành các nhóm và lập mã số cho từng nhóm. Ở công ty nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại thường không nhiều nên ta thường dùng chữ số để biểu thị.

Nhóm nguyên vật liệu chính:1521

Loại 1: Vải chính(1521-01)

Loại 2: Vải lót(1521-02)

Loại 3: Bông(1521-03)

Loại 4: Chỉ(1521-04)

Nhóm nguyên vật liệu phụ:1522

Phần may: 1522-01

Cúc: 1522-02

Khóa: 1522-03

Nhãn mác: 1522-04

Nhóm phế liệu:1523

Vải vụn: 1523-01

Bông vụn: 1523-02

Để cho dễ nhìn, dễ tìm hiểu giúp cho việc quản lí công cụ dụng cụ một cách dễ dàng hơn, công ty có thể xây dựng thành bảng

Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho quản lí:153-01

Nhóm công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất:153-02

Biểu số 3.1. Trích Sổ danh điểm vật liệu, dụng cụ

SỔ DANH ĐIỂM VẬT LIỆU, DỤNG CỤ

Ký hiệu		Mã số danh điểm	Danh điểm vật liệu	Đơn vị tính	Ghi chú
Loại	Nhóm				
1521			Nguyên vật liệu chính		
	1521-01		Vải chính	Kg	
		1521-01-1	Vải Jacket	m	
		1521-01-2	Vải cotton	m	
		1521-01-3	Vải 2739	m	
		1521-01-4	Vải gerry	m	
...
1522			Nguyên vật liệu phụ		
	1522-01		Phần may	Hộp	
	1522-02		Cúc	Chiếc	
	1522-03		Khóa	Chiếc	
	1522-04		Nhãn mác	Chiếc	
...
1523			Phế liệu		
	1523-01		Vải vụn	m	
	1523-02		Bông vụn	Kg	
...
			Nhóm CCDC dùng cho quản lí		
	153-01	153-01-1	Bàn ghế	Bộ	
		153-01-2	Máy vi tính	Chiếc	
...
			Nhóm CCDC dùng cho sản xuất		
	153-02	153-02-1	Máy khâu	Chiếc	
		153-02-2	Bàn là hơi	Chiếc	
...

▪ **Ý kiến 3: Hoàn thiện thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu**

Nguồn NVL, CCDC của công ty chủ yếu do mua ngoài nên khi công ty mua NVL, CCDC về thường xảy ra hai trường hợp:

- NVL, CCDC mua nếu dự trữ tại kho thì tiến hành thủ tục nhập kho và sau đó theo yêu cầu của sản xuất mà làm thủ tục xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Do nhu cầu cần NVL, CCDC ngay nên NVL, CCDC mua về chưa kịp nhập kho đã chuyển thẳng cho sản xuất. Trong trường hợp này, mặc dù trên thực tế là đã không nhập nhập kho mà đã đưa vào sử dụng trong sản xuất luôn nhưng kế toán vẫn tiến hành làm thủ tục nhập kho, xuất kho, nhiều khi chỉ mang tính chất hình thức và làm hao phí về lao động kế toán, thủ tục rườm rà.

Trong trường hợp này, công ty nên xem xét bỏ thủ tục nhập xuất kho NVL, CCDC vừa giảm bớt thủ tục ghi chép cho kế toán và thủ kho, vừa phản ánh kịp thời số liệu hàng tồn kho. Muốn vậy, công ty cần lập biên bản giao nhận vật tư làm căn cứ hạch toán NVL, CCDC không hạch toán qua kho.

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Ngày ... tháng ... năm ...

Chúng tôi gồm:

Ông (bà):.....

Người cung ứng

Ông (bà):.....

Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng các loại vật tư sau:

STT	Tên chủng loại vật tư	Đơn vị tính	Số lượng
1			
2			
3			
...			

Ngày ... tháng ... năm ...

Đại diện cung ứng

Đại diện bên nhận

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

▪ **Ý kiến 4 : Hoàn thiện công tác luân chuyển chứng từ**

Vì khi nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất thẳng xuống xưởng sản xuất không qua nhập kho nên công tác luân chuyển chứng từ phải hết sức cẩn thận nếu ko sẽ gây mất mát, nhầm lẫn hay bỏ sót khi giao nhận chứng từ mà không quy được trách nhiệm cho phòng ban cụ thể được. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển

chứng từ thì các bên giao và nhận chứng từ đều phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý và dễ tìm lại khi bị thất lạc. Việc làm này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty, hơn nữa cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ công nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Biểu số 3.2. Mẫu phiếu giao nhận chứng từ nhập kho hoặc xuất kho

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ NHẬP KHO HOẶC XUẤT KHO

Từ ngày..... đến ngày.....

Nhóm vật liệu (dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá)	Số lượng chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số tiền
1	2	3	4

Ngày... tháng ... năm

Người nhận (ký)

Người giao (ký)

KẾT LUẬN

Sau một thời gian thực tập tại Công ty TNHH may Thiên Nam được làm quen với thực tế hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cùng với phần lý thuyết được nghiên cứu em đã học hỏi rất nhiều điều bổ ích để củng cố thêm những kiến thức về lý luận mà em đã được học ở trường. Đồng thời đợt thực tập này cũng giúp em nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ đối với việc quản lý của công ty. Từ khâu lập chứng từ kế toán, kiểm soát và luân chuyển chứng từ kế toán, ghi chép hệ thống sổ sách kế toán, quá trình thanh toán, tập hợp chi phí... và đặc biệt đi sâu vào trong công tác hạch toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Từ đó thấy được những mặt mạnh cần phát huy và những điểm còn tồn tại để khắc phục nhằm góp phần nhỏ bé hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ ở Công ty TNHH may Thiên Nam. Khóa luận đã đề xuất những định hướng cơ bản cũng như một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng cũng như công tác kế toán nói chung.

Do trình độ lý luận còn hạn chế và thời gian thực tập không nhiều, bài khóa luận của em chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót. Em mong nhận được các ý kiến đóng góp của cô giáo hướng dẫn, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh để khóa luận của em được hoàn thiện hơn về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Th.s Hòa Thị Thanh Hương cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH may Thiên Nam đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 04 tháng 07 năm 2012

Sinh viên

Lưu Quỳnh Thu